



Mã nhận dạng 01945

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **PLC & ứng dụng(207516)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CD_01**

Tổ Thi **001_DH17CD_01**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **11/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV201A**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16138001	Cáp Ngọc An	DH16TD			5,0	7,0	4,0	4,8	0012345678910	0123456789
2	17153002	Nguyễn Ngọc Trúc	DH17CD			9,0	9,0	7,0	7,8	0012345678910	0123456789
3	17153004	Hồ Thái Bảo	DH17CD			5,0	10	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
4	17138001	Huỳnh Hoài Bảo	DH17TD			7,0	8,0	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
5	17153005	Lê Hoàng Bảo	DH17CD			8,0	10	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
6	17153006	Nguyễn Tuấn Bảo	DH17CD			6,5	8,0	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
7	14153004	Nguyễn Thanh Huy	DH14CD			0,0	0,0	1,0	0,6	0012345678910	0123456789
8	16138004	Lê Kim Bằng	DH16TD			9,0	6,5	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
9	13153042	Tạ Văn Bình	DH13CD							0012345678910	0123456789
10	17153010	Vương Quốc Việt	DH17CD			5,0	7,0	3,0	4,2	0012345678910	0123456789
11	17153017	Nguyễn Hồng Dung	DH17CD			7,0	8,0	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
12	17138011	Nguyễn Đình Quốc Dũng	DH17TD			7,5	8,0	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
13	17153022	Đào Phụng Duy	DH17CD			7,0	6,0	2,5	4,1	0012345678910	0123456789
14	17153023	Nguyễn Hùng Duy	DH17CD			5,0	8,0	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
15	17153012	Dương Tấn Đạt	DH17CD			6,0	7,0	8,0	7,4	0012345678910	0123456789
16	17153013	Hà Công Định	DH17CD			6,0	8,5	3,0	4,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01945

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi PLC & ứng dụng(207516)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CD_01

Tổ Thi 001_DH17CD_01

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV201A

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153016	Nguyễn Trung Đức	DH17CD	<i>Duc</i>		7,0	7,0	6,0	6,4	0012345678910	0123456789
18	16138021	Nguyễn Chí Đức	DH16TD	<i>Chi</i>		6,5	7,0	4,0	5,1	0012345678910	0123456789
19	17153024	Đặng Minh Hải	DH17CD	<i>Hai</i>		8,0	9,0	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
20	17153200	Phạm Văn Hạnh	DH17CD	<i>Hanh</i>		6,0	7,0	6,0	6,2	0012345678910	0123456789
21	17153027	Lê Trung Hậu	DH17CD	<i>Hau</i>		5,8	8,0	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
22	16153027	Hán Tấn Hiếu	DH16CD	<i>Hien</i>		5,0	0,0	4,0	3,4	0012345678910	0123456789
23	17153028	Nguyễn Thành Hiếu	DH17CD	<i>Hien</i>		6,0	8,0	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
24	17138019	Trần Minh Hiếu	DH17TD	<i>Hien</i>		4,0	7,0	4,5	4,9	0012345678910	0123456789
25	17153030	Bùi Văn Hoàng	DH17CD	<i>Hoang</i>		7,0	8,5	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
26	16138035	Lý Minh Hoàng	DH16TD	<i>Hoang</i>		7,0	0,0	3,0	3,2	0012345678910	0123456789
27	17138021	Nguyễn Đình Hò	DH17TD	<i>Hoi</i>		6,5	8,0	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
28	17153032	Lê Nguyễn Huy	DH17CD	<i>Huy</i>		5,0	7,0	4,5	5,1	0012345678910	0123456789
29	17153033	Trần Quang Huy	DH17CD	<i>Huy</i>		7,0	7,0	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
30	17153034	Lê Văn Khanh	DH17CD	<i>Khanh</i>		6,0	7,0	5,0	5,6	0012345678910	0123456789
31	17153035	Dương Quốc Khánh	DH17CD	<i>Khanh</i>		8,5	8,0	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
32	17153037	Ngô Tín Khoa	DH17CD	<i>Khoa</i>		7,0	8,0	6,0	6,6	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 01945

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi PLC & ứng dụng(207516)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CD_01

Tổ Thi 001_DH17CD_01

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV201A

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17153041	Lương Chí Lập	DH17CD	<i>Lam</i>		8,5	7,0	9,5	8,8	0012345678910	0123456789
34	17153042	Nguyễn Quang Linh	DH17CD	<i>Linh</i>		7,0	6,0	3,0	4,1	0012345678910	0123456789
35	17153043	Lâm Vũ Long	DH17CD	<i>Long</i>		6,0	7,0	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
36	17138033	Lê Nguyễn Hoài Nam	DH17TD	<i>HP</i>		5,0	7,0	4,0	4,8	0012345678910	0123456789
37	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD	<i>na</i>		3,0	7,0	1,5	2,9	0012345678910	0123456789
38	17153046	Ngô Thiên Nghia	DH17CD	<i>Ng</i>		5,0	7,0	5,5	5,7	0012345678910	0123456789
39	17153047	Nguyễn Trung Nghia	DH17CD	<i>nguy</i>		4,8	8,0	3,5	4,5	0012345678910	0123456789
40	17153048	Lê Khánh Nguyên	DH17CD	<i>KL</i>		7,5	9,0	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
41	17153049	Hoàng Đình Nhân	DH17CD	<i>nhân</i>		4,0	8,0	4,5	5,1	0012345678910	0123456789
42	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD	<i>Th</i>		7,0	9,0	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
43	17153053	Đoàn Trần Minh Nhựt	DH17CD	<i>Minh</i>		3,0	8,5	5,5	5,6	0012345678910	0123456789
44	17153054	Dương Trung Ninh	DH17CD	<i>nh</i>		1,0	9,0	2,5	3,5	0012345678910	0123456789
45	17138036	Huỳnh Kim Ninh	DH17TD	<i>Ninh</i>		7,0	7,0	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
46	17138039	Lê Quang PHiểu	DH17TD	<i>Ph</i>		4,5	8,0	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
47	17153057	Nguyễn Đức Phúc	DH17CD	<i>Ph</i>		4,5	4,0	1,0	2,3	0012345678910	0123456789
48	17138041	Trần Duy Phương	DH17TD	<i>Ph</i>		6,0	8,0	5,5	6,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01945

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi PLC & ứng dụng(207516)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CD_01

Tổ Thi 001_DH17CD_01

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV201A

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17138044	Nguyễn Linh Sang	DH17TD			6,5	8,5	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
50	17153065	Phan Trọng Thái	DH17CD			4,0	8,0	4,0	4,8	0012345678910	0123456789
51	17153066	Đào Minh Thành	DH17CD			4,5	8,0	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
52	17138050	Lê Đức Thịnh	DH17TD			4,5	8,0	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
53	17153067	Trương Đức Thịnh	DH17CD			7,0	7,0	3,5	4,9	0012345678910	0123456789
54	17138056	Nguyễn Nhựt Tiến	DH17TD			7,0	10	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
55	17153070	Nguyễn Trọng Tiến	DH17CD			7,0	10	8,5	7,3	0012345678910	0123456789
56	17153071	Trần Đức Tín	DH17CD			3,0	8,0	2,0	3,4	0012345678910	0123456789
57	17153072	Nguyễn Hoàng Toán	DH17CD			6,0	8,0	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
58	17153076	Phạm Ngọc Triệu	DH17CD			6,0	8,0	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
59	17153077	Phan Bảo Trọng	DH17CD			6,0	8,0	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
60	17153080	Hoàng Thanh Vương	DH17CD			4,5	7,0	6,0	5,9	0012345678910	0123456789
61	17153081	Dương Bảo Ý	DH17CD			5,0	10	4,0	5,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01945

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **PLC & ứng dụng(207516)** Số Tín Ch **3**
Nhóm Thi **DH17CD_01** Tổ Thi **001_DH17CD_01** Tên CBGD **Lê Quang Hiền**
Ngày Thi **11/01/2021** Giờ Thi **12:15** Phòng Thi **TV201A**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 6 Số sinh viên vắng 0

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

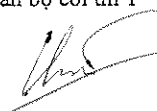
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

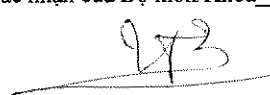
Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

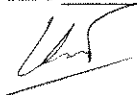
Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Lê Quang Hiền


N.V. Kiệp


B. Võ Thanh Tròn


Lê Quang Hiền


Nguyễn Đăng Khoa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: SCADA (207517) - 01

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 %	Điểm thực	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17138002	Trần Thanh Bình	DH17TD	Ban		9,0		8,0	8,2	○○○12345678910	○123456789
2	17138004	Lê Mạnh Cường	DH17TD	Le		9,0		8,0	8,2	○○○12345678910	○123456789
3	17138005	Mai Hùng Cường	DH17TD	mai		9,0		8,0	8,2	○○○12345678910	○123456789
4	17138006	Nguyễn Mạnh Cường	DH17TD	Cuong		9,0		8,0	8,2	○○○12345678910	○123456789
5	17138012	Phạm Hải Dương	DH17TD	duy		9,0		8,0	8,2	○○○12345678910	○123456789
6	17138007	Trần Quang Đại	DH17TD	duy		9,0		9,0	9,0	○○○12345678910	○123456789
7	17138008	Nguyễn Hữu Đan	DH17TD	Dan		9,0		9,0	9,0	○○○12345678910	○123456789
8	17138014	Ngô Quốc Gia	DH17TD	Gia		9,0		9,0	9,0	○○○12345678910	○123456789
9	17138015	Lưu Thanh Hiền	DH17TD	Hien		9,0		9,0	9,0	○○○12345678910	○123456789
10	17138016	Hồ Hiền	DH17TD	Hu		9,0		9,0	9,0	○○○12345678910	○123456789
11	17138020	Trịnh Minh Hiếu	DH17TD	Hieu		9,0		9,0	9,0	○○○12345678910	○123456789
12	17138022	Trần Minh Huân	DH17TD	Huan		9,0		9,0	9,0	○○○12345678910	○123456789
13	17138024	Phạm Ngọc Khải	DH17TD	Khai		9,0		9,0	9,0	○○○12345678910	○123456789
14	17138025	Nguyễn Văn Khánh	DH17TD	Khanh		8,0		9,0	8,8	○○○12345678910	○123456789
15	17138027	Nguyễn Tấn Khôi	DH17TD	Khoi		9,0		9,0	9,0	○○○12345678910	○123456789
16	17138028	Nguyễn Vũ Minh Khôi	DH17TD	Khoi		9,0		8,5	8,6	○○○12345678910	○123456789

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17138029	Nguyễn Văn Linh	DH17TD	<i>[Signature]</i>		8,0		8,5	8,4	0012345678910	0123456789
18	17138030	Phan Nguyễn Hoàng Long	DH17TD	<i>[Signature]</i>		9,0		8,5	8,6	0012345678910	0123456789
19	17138033	Lê Nguyễn Hoài Nam	DH17TD	<i>[Signature]</i>		7,0		8,5	8,2	0012345678910	0123456789
20	17138035	Dương Hoàng Nguyên	DH17TD	<i>[Signature]</i>		9,0		8,5	8,6	0012345678910	0123456789
21	16138062	Nguyễn Đình Trực Nhân	DH16TD	<i>[Signature]</i>		9,0		8,0	8,2	0012345678910	0123456789
22	17138037	Bùi Trung Pháp	DH17TD	<i>[Signature]</i>		8,0		8,0	8,0	0012345678910	0123456789
23	17138038	Trần Huy Phát	DH17TD	<i>[Signature]</i>		9,0		8,0	8,2	0012345678910	0123456789
24	17138042	Nguyễn Trung Quân	DH17TD	<i>[Signature]</i>		9,0		8,0	8,2	0012345678910	0123456789
25	17138048	Đỗ Lý Việt Thắng	DH17TD	<i>[Signature]</i>		9,0		8,0	8,2	0012345678910	0123456789
26	17138051	Lưu Thị Ánh Thu	DH17TD	<i>[Signature]</i>		8,0		9,0	8,8	0012345678910	0123456789
27	17138052	Phạm Hoài Thu	DH17TD	<i>[Signature]</i>		9,0		9,0	9,0	0012345678910	0123456789
28	17138053	Lê Hữu Thuận	DH17TD	<i>[Signature]</i>		9,0		9,0	9,0	0012345678910	0123456789
29	17138054	Nguyễn Ngọc Minh Thuận	DH17TD	<i>[Signature]</i>		9,0		9,0	9,0	0012345678910	0123456789
30	17138055	Huỳnh Quang Tiến	DH17TD	<i>[Signature]</i>		9,0		9,0	9,0	0012345678910	0123456789
31	17138057	Đào Bá Khánh Trinh	DH17TD	<i>[Signature]</i>		9,0		6,5	7,0	0012345678910	0123456789
32	17138059	Nguyễn Chí Trung	DH17TD	<i>[Signature]</i>		9,0		6,5	7,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01048

Trang 3/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: SCADA (207517) - 01

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	17138060	Trương Tuấn Tú	DH17TD			9,0		6,5	7,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 00

Hiện diện: 33

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Quang Hiền

TS. Nguyễn Văn Tiến

Lê Quang Hiền

Nguyễn Văn Châu



Mã nhận dạng 01946

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Servo điện-thủy lực-khí nén(207520)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH17TD_01

Tổ Thi

001_DH17TD_01

Tên CBGD

Lê Văn Bạ

Ngày Thi 12/01/2021

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV302

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm Thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16138001	Cáp Ngọc An	DH16TD			0,75	7,5	3,75	4,9	0012345678910	0123456789
2	17138001	Huỳnh Hoài Bảo	DH17TD			0,6	8,0	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
3	17138002	Trần Thanh Bình	DH17TD			0,75	8,5	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
4	17138004	Lê Mạnh Cường	DH17TD			0,5	8,5	5,0	5,7	0012345678910	0123456789
5	17138005	Mai Hùng Cường	DH17TD			0,6	8,5	4,25	5,3	0012345678910	0123456789
6	17138006	Nguyễn Mạnh Cường	DH17TD			0,6	8,5	3,5	4,8	0012345678910	0123456789
7	16138011	Nguyễn Quang Cường	DH16TD			0,6	7,5	5,75	6,1	0012345678910	0123456789
8	16138013	Nguyễn Tấn Danh	DH16TD			0,75	7,5	3,75	4,9	0012345678910	0123456789
9	17138011	Nguyễn Đình Quốc Dũng	DH17TD				8,0	1,0	1,0	0012345678910	0123456789
10	17138012	Phạm Hải Dương	DH17TD			0,5	8,5	6,25	6,6	0012345678910	0123456789
11	17138007	Trần Quang Đại	DH17TD			0,75	8,0	4,0	5,2	0012345678910	0123456789
12	17138008	Nguyễn Hữu Đan	DH17TD					1,5	1,5	0012345678910	0123456789
13	17138009	Huỳnh Minh Định	DH17TD			0,75	8,5	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
14	16138019	Lê Trương Công Định	DH16TD			0	8,0	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
15	16138027	Lê Hoàng Giang	DH16TD			0,5	8,0	8,0	7,7	0012345678910	0123456789
16	17138015	Lưu Thanh Hiền	DH17TD			0,75	8,0	7,25	7,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01946

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Servo điện-thủy lực-khí nén(207520)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17TD_01

Tổ Thi 001_DH17TD_01

Tên CBGD Lê Văn Bạ

Ngày Thi 12/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV302

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17138016	Hồ Hiền	DH17TD			0,85	8,0	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
18	17138019	Trần Minh	DH17TD			0,75	8,5	4,0	5,3	0012345678910	0123456789
19	17138020	Trịnh Minh	DH17TD			0,78	8,5	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
20	16138035	Lý Minh	DH16TD			0,6	8,0	5,0	5,7	0012345678910	0123456789
21	14138011	Nguyễn Chánh	DH14TD			0,75	7,5	4,0	5,1	0012345678910	0123456789
22	17138021	Nguyễn Đình	DH17TD			0,78	8,5	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
23	17138022	Trần Minh	DH17TD			0,75	8,0	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
24	16138043	Trần Đức	DH17TD			1,0	8,0	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
25	17138025	Nguyễn Văn	DH17TD			0,3	8,0	5,0	5,4	0012345678910	0123456789
26	17138027	Nguyễn Tấn	DH17TD			—	—	1,0	1,0	0012345678910	0123456789
27	17138028	Nguyễn Vũ Minh	DH17TD			0,8	8,0	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
28	17138030	Phan Nguyễn Hoàng	DH17TD			0,5	8,0	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
29	17138034	Tạ Đình	DH17TD			—	—	2,0	2,0	0012345678910	0123456789
30	17138035	Dương Hoàng	DH17TD			0,5	8,0	5,0	5,6	0012345678910	0123456789
31	17138036	Huỳnh Kim	DH17TD			0,75	8,0	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
32	17138037	Bùi Trung	DH17TD			0,5	8,0	6,0	6,3	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 01946

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Servo điện-thủy lực-khí nén(207520)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17TD_01

Tổ Thi 001_DH17TD_01

Tên CBGD Lê Văn Bạ

Ngày Thi 12/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV302

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17138038	Trần Huy Phát	DH17TD	<i>Phat</i>		0,6	8,0	3,25	4,8	0012345678910	0123456789
34	17138039	Lê Quang PHiểu	DH17TD	<i>Phieu</i>		0,6	8,5	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
35	17138041	Trần Duy Phương	DH17TD	<i>Duy</i>		0,6	8,5	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
36	15138051	Trần Minh Quang	DH15TD	<i>Quang</i>		0	8,0	6,0	5,8	0012345678910	0123456789
37	17138042	Nguyễn Trung Quân	DH17TD	<i>Quan</i>		0,5	8,0	6,0	6,3	0012345678910	0123456789
38	17138044	Nguyễn Linh Sang	DH17TD	<i>Sang</i>		1,0	8,0	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
39	18138075	Nguyễn Thanh Sơn	DH18TD	<i>Son</i>		✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
40	17138045	Nguyễn Thế Tài	DH17TD	<i>Tai</i>		✓	✓	1,5	1,5	0012345678910	0123456789
41	17138049	Võ Văn Thành	DH17TD	<i>Thanh</i>		0,75	8,0	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
42	17138048	Đỗ Lý Việt Thắng	DH17TD	<i>Th</i>		✓	✓	2,0	2,0	0012345678910	0123456789
43	17138050	Lê Đức Thịnh	DH17TD	<i>Th</i>		0,65	8,0	4,0	5,1	0012345678910	0123456789
44	15138066	Nguyễn Minh Thoại	DH15TD	<i>Thoai</i>		0,6	7,5	4,0	4,9	0012345678910	0123456789
45	17138051	Lưu Thị Ánh Thu	DH17TD	<i>Thu</i>		0,6	8,0	6,0	6,4	0012345678910	0123456789
46	17138052	Phạm Hoài Thu	DH17TD	<i>Thu</i>		1,0	8,0	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
47	17138053	Lê Hữu Thuận	DH17TD	<i>Thu</i>		0,75	8,0	3,5	4,9	0012345678910	0123456789
48	17138055	Huỳnh Quang Tiến	DH17TD	<i>Tien</i>		1,0	8,5	9,0	9,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01946

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Servo điện-thủy lực-khí nén(207520)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17TD_01

Tổ Thi

001_DH17TD_01

Tên CBGD

Lê Văn Bạt

Ngày Thi 12/01/2021

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV302

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17138056	Nguyễn Nhựt Tiên	DH17TD			0,6	8,5	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
50	17138057	Đào Bá Khánh	DH17TD			0,8	8,5	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
51	17138059	Nguyễn Chí	DH17TD			/	/	2,0	2,0	0012345678910	0123456789
52	17138060	Trương Tuấn	DH17TD			0,5	8,0	3,5	4,9	0012345678910	0123456789
53	17138061	Bùi Anh	DH17TD			/	/	✓	✓	0012345678910	0123456789
54	13138020	Trần Thanh	DH13TD			/	/	✓	✓	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 51. Số sinh viên vắng 3.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



Mã nhận dạng 01950

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở hệ thống thủy lực & khí nén(207535)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118003	Châu Vĩ Anh	DH18CC			7,0	10	3,0	5,2	0012345678910	0123456789
2	18118001	Dương Tấn Hoàng Ân	DH18CC			7,5	10	7,0	7,7	0012345678910	0123456789
3	18118008	Phan Văn Chí Bảo	DH18CC			9,0	9,5	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
4	18118012	Tạ Đức Cao	DH18CC			7,0	7,5	9,0	8,3	0012345678910	0123456789
5	18118029	Trần Vĩnh Dụng	DH18CC			7,0	8,0	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
6	18118033	Lê Phúc Duy	DH18CC			6,5	5,0	10	2,9	0012345678910	0123456789
7	18118036	Ứng Phương	DH18CC			6,5	5,0	2,0	3,5	0012345678910	0123456789
8	18118014	Bạch Thanh Đại	DH18CC			9,0	7,5	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
9	18118021	Nguyễn Tiến Đạt	DH18CC			6,4	5,0	9,0	7,7	0012345678910	0123456789
10	18118022	Phan Thành Đạt	DH18CC			7,3	9,5	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
11	18118015	Nguyễn Hải Đăng	DH18CC			4,5	9,5	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
12	18118024	Lê Xuân Đức	DH18CC			8,0	10	8,0	8,4	0012345678910	0123456789
13	18118039	Trần Tuấn Hiệp	DH18CC			5,4	5,0	0,5	2,4	0012345678910	0123456789
14	18138041	Lê Phúc Khang	DH18TD			6,0	9,5	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
15	18138043	Nguyễn Duy Khánh	DH18TD			5,5	9,5	4,5	5,7	0012345678910	0123456789
16	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC			6,5	10	4,5	6,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01950

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở hệ thống thủy lực & khí nén(20753

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118058	Đào Đăng Khoa	DH18CC			7,8	7,5	8,5	8,2	001234567●910	01●3456789
18	18138046	Phạm Văn Tiêu	DH18TD			7,5	9,5	7,0	7,6	00123456●8910	012345●789
19	18118077	Thét Chủ Long	DH18CC			7,0	7,0	4,5	5,5	001234●678910	01234●6789
20	18118069	Nguyễn Quý Lộc	DH18CC			8,0	8,0	8,5	8,3	001234567●910	012●456789
21	18118078	Hồ Minh Luân	DH18CC			7,0	10	8,0	8,2	001234567●910	01●3456789
22	18118086	Bùi Thị Trà My	DH18CC			7,0	10	6,0	7,0	00123456●8910	●123456789
23	18118088	Lê Đại Nghĩa	DH18CC			6,5	10	5,0	6,3	0012345●78910	012●456789
24	18118090	Phan Trung	DH18CC			6,0	9,5	2,0	4,3	00123●5678910	012●456789
25	18118094	Bồ Tấn Nhân	DH18CC			7,5	10	1,0	4,1	00123●5678910	0●23456789
26	18118096	Đặng Danh Nhân	DH18CC			8,8	9,5	5,5	7,0	00123456●8910	●123456789
27	18118100	Dương Thị Tuyết	DH18CC			6,4	10	4,0	5,7	001234●678910	0123456●89
28	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC			5,6	7,0	2,0	3,7	0012●45678910	0123456●89
29	18118122	Nguyễn Minh Tâm	DH18CC			7,3	10	9,0	8,9	001234567●910	012345678●
30	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC			6,4	7,0	6,5	6,6	0012345●78910	012345●789
31	18118128	Phạm Văn Thái	DH18CC			7,0	10	9,0	8,8	001234567●910	01234567●9
32	18118129	Phan Quốc	DH18CC			7,5	5,0	5,0	5,5	001234●678910	01234●6789



Mã nhận dạng 01950

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở hệ thống thủy lực & khí nén(20752)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118133	Lê Nguyễn Tuấn	Thành	DH18CC		7,0	9,8	9,5	9,1	0012345678●10	0●23456789
34	18118137	Nguyễn Hoàng	Thế	DH18CC		5,4	8,0	8,0	7,5	00123456●8910	01234●6789
35	18118139	Nguyễn Chí	Thiện	DH18CC		7,5	10	8,5	8,6	001234567●910	012345●789
36	18118222	Châu Ngọc	Ti	DH18CC		6,8	9,3	2,0	4,4	00123●5678910	0123●56789
37	18118152	Dương Minh	Tiến	DH18CC		7,3	9,3	4,5	6,0	0012345●78910	●123456789
38	18118155	Nguyễn Phát	Tín	DH18CC		6,2	7,0	8,5	7,7	00123456●8910	0123456●89
39	18118157	Trần Duy	Toàn	DH18CC		7,5	9,0	7,5	7,8	00123456●8910	01234567●9
40	18118164	Lê Minh	Trung	DH18CC		7,0	10	4,0	5,8	001234●678910	01234567●9
41	18118166	Nguyễn Quốc	Trung	DH18CC		7,0	9,0	4,0	5,6	001234●678910	012345●789
42	18118171	Đặng Minh	Tuấn	DH18CC		6,0	9,8	8,5	8,3	001234567●910	012●456789
43	18118176	Tổng Văn	Tuấn	DH18CC		7,5	9,8	4,5	6,2	0012345●78910	01●3456789
44	18118178	Nguyễn Thanh	Tùng	DH18CC		7,3	9,5	5,0	6,4	0012345●78910	0123●56789
45	18118180	Trần Văn	Tuyên	DH18CC		7,0	9,3	2,0	4,5	00123●5678910	01234●6789
46	18118183	Nguyễn Hồ Phú	Vinh	DH18CC		7,0	7,0	6,0	6,4	0012345●78910	0123●56789
47	18118185	Trần Phúc	Vinh	DH18CC		7,0	9,0	6,5	7,1	00123456●8910	0●23456789
48	18118186	Hoàng Long	Vũ	DH18CC		8,0	10	7,5	8,1	001234567●910	0●23456789



Mã nhận dạng 01950

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở hệ thống thủy lực & khí nén(20752

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 11. Số sinh viên vắng 0.

Ngày 1 Tháng 3 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thất Hy.

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

TS. Trương Công Tiến

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



Mã nhận dạng 01951

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở hệ thống thủy lực & khí nén(207535)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CK_02

Tổ Thi 001_DH18CK_02

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi

TV202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 40 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118023	Nguyễn Tấn Diễm	DH18CK			9,3	9,8	5,0	6,8	0012345678910	0123456789
2	18118034	Nguyễn Đức Duy	DH18CK			8,5	5,0	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
3	18118026	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CK			8,5	9,8	2,0	4,9	0012345678910	0123456789
4	18118040	Bùi Trung Hiếu	DH18CK			9,0	9,0	1,0	4,2	0012345678910	0123456789
5	18118044	Tổng An Hoài	DH18CK			8,5	8,0	5,0	6,3	0012345678910	0123456789
6	18118051	Bùi Huynh	DH18CK			8,3	8,0	5,0	6,3	0012345678910	0123456789
7	18118062	Đặng Minh Khôi	DH18CK							0012345678910	0123456789
8	18118071	Huỳnh Quốc Long	DH18CK			8,5	5,0	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
9	18118092	Nguyễn Trọng Nguyên	DH18CK			8,8	5,0	8,5	7,9	0012345678910	0123456789
10	18118098	Nguyễn Trung Nhân	DH18CK			9,0	8,0	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
11	18118103	Nguyễn Thuận Phát	DH18CK			8,3	9,8	1,0	4,2	0012345678910	0123456789
12	18118104	Nguyễn Thanh Phi	DH18CK			7,5	7,0	1,0	3,5	0012345678910	0123456789
13	18118106	Phùng Minh Phong	DH18CK			8,5	5,0	3,0	4,5	0012345678910	0123456789
14	18118110	Vũ Toàn Phước	DH18CK			9,0	5,5	4,0	5,3	0012345678910	0123456789
15	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK			8,8	7,0	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
16	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK			7,8	5,5	3,0	4,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01951

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở hệ thống thủy lực & khí nén(2075)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CK_02

Tổ Thi 001_DH18CK_02

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi

TV202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK			8,8	5,5	4,0	5,3	0012345678910	0123456789
18	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK			8,8	8,0	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
19	18118115	Quách Ngọc Quý	DH18CK			7,0	10	6,0	7,0	0012345678910	0123456789
20	18118124	Nguyễn Khắc Tân	DH18CK			8,5	10	4,0	4,3	0012345678910	0123456789
21	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK			8,3	5,0	4,0	5,1	0012345678910	0123456789
22	18118151	Bùi Minh Tiến	DH18CK			8,8	10	5,5	7,1	0012345678910	0123456789
23	18118162	Đỗ Văn Triệu	DH18CK			9,5	8,0	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
24	18118167	Phạm Tấn Trung	DH18CK			7,0	5,0	2,0	3,6	0012345678910	0123456789
25	18118168	Cao Quang Trường	DH18CK			8,0	8,0	9,0	3,2	0012345678910	0123456789
26	18118169	Nguyễn Xuân Trường	DH18CK			8,8	8,8	2,0	4,7	0012345678910	0123456789
27	18118172	Nguyễn Anh Tuấn	DH18CK			8,3	8,8	4,0	5,8	0012345678910	0123456789
28	18118175	Nguyễn Văn Minh Tuấn	DH18CK			8,5	7,0	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
29	18118179	Võ Thanh Tùng	DH18CK			8,8	7,0	4,0	5,6	0012345678910	0123456789
30	18118181	Vũ Ngọc Tuyên	DH18CK			8,0	7,0	3,0	4,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01951

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở hệ thống thủy lực & khí nén(2075)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CK_02

Tổ Thi 001_DH18CK_02

Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV202

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 29 Số sinh viên vắng 1...

Ngày 1 Tháng 3 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

phan minh khien

Le Khac Qui

TS. Trương Công Tiến

Nguyễn Văn Công Chính



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: CAD trong điều khiển tự động (207544) - 01

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50%	Đ2 %	Điểm Đ1	Điểm Đ2	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138003	Nguyễn Tuấn Anh	DH18TD			4,0		5,0	4,5		0012345678910	0123456789
2	18138002	Vũ Hoài Ân	DH18TD			8,5		7,0	7,8		0012345678910	0123456789
3	18138005	Lê Kim Bảo	DH18TD			8,5		8,0	8,3		0012345678910	0123456789
4	18138040	Nguyễn Ngọc Khải	DH18TD			3,0		5,0	4,0		0012345678910	0123456789
5	18138004	Phan Cao Bằng	DH18TD			9,5		0,0	4,8		0012345678910	0123456789
6	18138006	Đặng Văn Bình	DH18TD			6,0		9,0	7,5		0012345678910	0123456789
7	18138007	Hồ Quang Cảnh	DH18TD			4,0		9,0	6,5		0012345678910	0123456789
8	18138009	Lê Hữu Chiến	DH18TD			1,0		9,0	5,0		0012345678910	0123456789
9	18138020	Đỗ Quốc Duy	DH18TD			5,0		8,5	6,8		0012345678910	0123456789
10	18138021	Lê Thành Duy	DH18TD			9,5		4,0	6,8		0012345678910	0123456789
11	18138019	Lê Tấn Dương	DH18TD			4,5		9,0	6,8		0012345678910	0123456789
12	18138012	Huỳnh Phước Đạt	DH18TD			6,5		9,5	8,0		0012345678910	0123456789
13	18138013	Trần Quang Đạt	DH18TD			3,0		6,0	4,5		0012345678910	0123456789
14	18138015	Nguyễn Công Đình	DH18TD			0,0		7,0	3,5		0012345678910	0123456789
15	18138023	Trần Trường Giang	DH18TD			5,0		8,5	6,8		0012345678910	0123456789
16	18138026	Phan Gia Hiếu	DH18TD			5,0		9,5	7,3		0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: CAD trong điều khiển tự động (207544) - 01

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138027	Vũ Minh Hòa	DH18TD			6,0		9,0	7,5	0012345678910	0123456789
18	18138028	Trần Văn Hoài	DH18TD			3,5		9,0	6,3	0012345678910	0123456789
19	18138029	Nguyễn Văn Hoàng	DH18TD			8,5		9,0	8,8	0012345678910	0123456789
20	18138030	Trần Lê Huân	DH18TD			7,5		7,5	7,5	0012345678910	0123456789
21	18138034	Lê Thanh Huy	DH18TD			8,5		9,0	8,8	0012345678910	0123456789
22	18138036	Phan Trần Hoàng Huy	DH18TD			4,0		7,5	5,8	0012345678910	0123456789
23	18138037	Trần Trọng Huy	DH18TD			4,0		9,0	6,5	0012345678910	0123456789
24	18138032	Chung Hiệp Hưng	DH18TD			3,5		6,5	5,0	0012345678910	0123456789
25	18138033	Nguyễn Thế Hưng	DH18TD			8,5		9,5	9,0	0012345678910	0123456789
26	18138041	Lê Phúc Khang	DH18TD			9,0		9,0	9,0	0012345678910	0123456789
27	18138042	Nguyễn Công Khánh	DH18TD			7,0		9,0	8,0	0012345678910	0123456789
28	18138043	Nguyễn Duy Khánh	DH18TD			10		3,0	6,5	0012345678910	0123456789
29	18138046	Phạm Văn Tiểu Kỳ	DH18TD			6,5		9,5	8,0	0012345678910	0123456789
30	18138047	Lương Hoàng Lâm	DH18TD			6,0		8,5	7,3	0012345678910	0123456789
31	18138051	Đặng Hoàng Long	DH18TD			8,0		9,5	8,8	0012345678910	0123456789
32	18138052	Hồ Thanh Long	DH18TD			5,0		7,5	6,3	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: CAD trong điều khiển tự động (207544) - 01

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50%	Đ2 %	Điểm 50%	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18138050	Hứa Phước Lợi	DH18TD			7,0		8,0	7,5	0012345678910	0123456789
34	18138054	Sơ Tấn Lũy	DH18TD			9,5		8,5	9,0	0012345678910	0123456789
35	18138056	Trần Trung Mỹ	DH18TD			8,0		2,0	5,0	0012345678910	0123456789
36	18138057	Trịnh Hữu Nghĩa	DH18TD			8,0		9,0	8,5	0012345678910	0123456789
37	18138059	Nguyễn Phúc Nguyên	DH18TD			5,0		4,0	4,5	0012345678910	0123456789
38	18138060	Lương Thanh Nhân	DH18TD			9,5		3,0	6,3	0012345678910	0123456789
39	18138061	Kiều Tấn Nhất	DH18TD			0,0		9,0	4,5	0012345678910	0123456789
40	18138062	Trần Phát	DH18TD			8,5		9,5	9,0	0012345678910	0123456789
41	18138063	Đỗ Thanh Phong	DH18TD			7,0		8,5	7,8	0012345678910	0123456789
42	18138065	Nguyễn Hồng Phúc	DH18TD			8,5		1,5	5,0	0012345678910	0123456789
43	18138066	Nguyễn Huỳnh Hoàng Phúc	DH18TD			3,5		7,0	5,3	0012345678910	0123456789
44	18138069	Trương Thanh Phương	DH18TD			9,0		1,5	5,3	0012345678910	0123456789
45	19138064	Vũ Đức Phương	DH19TD			4,5		9,5	7,0	0012345678910	0123456789
46	19138065	Lê Đăng Quang	DH19TD			9,5		5,0	7,3	0012345678910	0123456789
47	18138071	Nguyễn Minh Quang	DH18TD			9,5		7,0	8,3	0012345678910	0123456789
48	18138072	Lê Tấn Quý	DH18TD			9,0		2,5	5,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01051

Trang 4/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: CAD trong điều khiển tự động (207544) - 01

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50%	Đ2 %	Điểm S. thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
49	18138074	Trần Đình Sâm	DH18TD			9,5		9,5	9,5	0012345678910	0123456789
50	18138075	Nguyễn Thanh Sơn	DH18TD			9,5		4,0	6,8	0012345678910	0123456789
51	18138076	Lê Thành Tài	DH18TD			7,0		8,0	7,5	0012345678910	0123456789
52	18138077	Trịnh Tấn Tài	DH18TD			3,0		9,5	6,3	0012345678910	0123456789
53	18138078	Huỳnh Phạm Thu Tâm	DH18TD			5,5		9,0	7,3	0012345678910	0123456789
54	18138079	Đỗ Đoàn Duy Tân	DH18TD			9,0		7,0	8,0	0012345678910	0123456789
55	18118125	Nguyễn Minh Tân	DH18TD			4,0		9,5	6,8	0012345678910	0123456789
56	18138081	Nguyễn Trọng Thiên	DH18TD			8,0		3,0	5,5	0012345678910	0123456789
57	18138083	Nguyễn Đức Thịnh	DH18TD							0012345678910	0123456789
58	18138084	Nguyễn Hữu Thọ	DH18TD			9,5		3,0	6,3	0012345678910	0123456789
59	18138086	Nguyễn Anh Thuận	DH18TD			9,0		9,5	9,3	0012345678910	0123456789
60	18138087	Nguyễn Trần Minh Thuận	DH18TD			3,0		9,0	6,0	0012345678910	0123456789
61	18138088	Thái Minh Thuận	DH18TD			2,0		2,5	5,8	0012345678910	0123456789
62	18138089	Trần Lê Triều Thuận	DH18TD			6,0		2,0	4,0	0012345678910	0123456789
63	19138077	Dương Văn Tiến	DH19TD			6,0		9,0	7,5	0012345678910	0123456789
64	18127061	Nguyễn Văn Tiến	DH18TD			9,0		3,5	6,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01051

Trang 5/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: CAD trong điều khiển tự động (207544) - 01

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	18138095	Đào Đức Trung	DH18TD			5,0		5,5	5,3	0012345678910	0123456789
66	18138096	Hồ Duy Thiện	DH18TD			9,0		4,5	5,3	0012345678910	0123456789
67	18138097	Phan Bá Trường	DH18TD			4,0		5,0	4,5	0012345678910	0123456789
68	18138098	Lý Hồng Tuấn	DH18TD			9,5		2,5	6,0	0012345678910	0123456789
69	18138099	Nguyễn Anh Tuấn	DH18TD			5,0		0,0	2,5	0012345678910	0123456789
70	18138102	Ngô Lương Vinh	DH18TD			2,0		7,0	4,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 01

Hiện diện: 69

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Quang Hiền

TS. Nguyễn Thị Tiên

Lê Quang Hiền

Nguyễn Đăng Khim



Mã nhận dạng 01957

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH17CD_01**

Tổ Thi **001_DH17CD_01**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm 70th%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153002	Nguyễn Ngọc Trúc Anh	DH17CD			9,0		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
2	17118006	Nguyễn Thanh Bá	DH17CK			10		9,0	9,3	0012345678910	0123456789
3	17153004	Hồ Thái Bảo	DH17CD			10		6,5	7,6	0012345678910	0123456789
4	17153006	Nguyễn Tuấn Bảo	DH17CD			10		8,5	9,0	0012345678910	0123456789
5	17153010	Vương Quốc Việt Chí	DH17CD			5,0		3,5	4,0	0012345678910	0123456789
6	17153011	Nguyễn Minh Chiến	DH17CD			5,0		7,5	6,8	0012345678910	0123456789
7	17153017	Nguyễn Hồng Dung	DH17CD			9,0		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
8	17153022	Đào Phụng Duy	DH17CD			10		8,0	8,6	0012345678910	0123456789
9	17153021	Đặng Thế Duy	DH17CD			9,0		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
10	17153023	Nguyễn Hùng Duy	DH17CD			10		7,0	7,9	0012345678910	0123456789
11	17153019	Nguyễn Hoàng Dương	DH17CD			8,0		9,0	8,7	0012345678910	0123456789
12	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CK			8,0		7,0	7,3	0012345678910	0123456789
13	17153012	Dương Tấn Đạt	DH17CD			9,0		8,5	8,7	0012345678910	0123456789
14	17153013	Hà Công Định	DH17CD			9,0		8,5	8,7	0012345678910	0123456789
15	17153016	Nguyễn Trung Đức	DH17CD			10		9,0	9,3	0012345678910	0123456789
16	17153024	Đặng Minh Hải	DH17CD			10		9,0	9,3	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 01957

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CD_01**

Tổ Thi **001_DH17CD_01**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm 70%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153200	Phạm Văn Hạnh	DH17CD			10		9,5	9,7	0012345678910	0123456789
18	17153027	Lê Trung Hậu	DH17CD			9,0		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
19	17118034	Huỳnh Văn Hiếu	DH17CK			10		5,5	6,9	0012345678910	0123456789
20	17153028	Nguyễn Thành Hiếu	DH17CD			10		6,5	7,6	0012345678910	0123456789
21	17153032	Lê Nguyễn Huy	DH17CD			5,0		7,5	6,8	0012345678910	0123456789
22	17153037	Ngô Tín Khoa	DH17CD			9,0		9,0	9,0	0012345678910	0123456789
23	17153039	Bùi Tuấn Kiên	DH17CD			10		10	10,0	0012345678910	0123456789
24	17153041	Lương Chí Lập	DH17CD			10		9,5	9,7	0012345678910	0123456789
25	17153042	Nguyễn Quang Linh	DH17CD			10		6,5	7,6	0012345678910	0123456789
26	17153043	Lâm Vũ Long	DH17CD			9,0		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
27	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD			5,0		8,0	7,1	0012345678910	0123456789
28	17118062	Phạm Văn Nam	DH17CK			10		9,5	9,7	0012345678910	0123456789
29	17153046	Ngô Thiên Nghĩa	DH17CD			7,0		7,5	7,4	0012345678910	0123456789
30	17153047	Nguyễn Trung Nghĩa	DH17CD			10		9,0	9,3	0012345678910	0123456789
31	17153049	Hoàng Đình Nhân	DH17CD			10		6,5	7,6	0012345678910	0123456789
32	17153053	Đoàn Trần Minh Nhựt	DH17CD			9,0		8,5	8,7	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 01957

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CD_01**

Tổ Thi **001_DH17CD_01**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm Thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118076	Phan Lê Bảo	Phi	<i>Phan</i>		10		9,5	9,7	0012345678910	0123456789
34	17153057	Nguyễn Đức	Phúc	<i>Nguyễn</i>		9,0		10	9,7	0012345678910	0123456789
35	17153058	Nguyễn Hồng	Phúc	<i>Nguyễn</i>		9,0		8,0	8,3	0012345678910	0123456789
36	17153059	Nguyễn Thanh	Son	<i>Nguyễn</i>		10		9,5	9,7	0012345678910	0123456789
37	17153060	Đoàn Hữu	Tài	<i>Đoàn</i>		10		7,5	8,3	0012345678910	0123456789
38	17153064	Kiều Văn	Tấn	<i>Kiều</i>		9,0		7,5	8,0	0012345678910	0123456789
39	17153066	Đào Minh	Thành	<i>Đào</i>		10		7,0	7,9	0012345678910	0123456789
40	17118101	Vũ Trung	Thành	<i>Vũ</i>		10		9,0	9,3	0012345678910	0123456789
41	17118102	Lê Tấn Phú	Thạnh	<i>Lê</i>		10		9,5	9,7	0012345678910	0123456789
42	17153070	Nguyễn Trọng	Tiến	<i>Nguyễn</i>		9,0		9,0	9,0	0012345678910	0123456789
43	17153073	Nguyễn Minh	Toàn	<i>Nguyễn</i>		9,0		10	9,7	0012345678910	0123456789
44	17153072	Nguyễn Hoàng	Toán	<i>Nguyễn</i>		9,0		7,0	7,6	0012345678910	0123456789
45	17153076	Phạm Ngọc	Triệu	<i>Phạm</i>		8,0		9,5	9,1	0012345678910	0123456789
46	17153077	Phan Bảo	Trọng	<i>Phan</i>		5,0		7,0	6,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01957

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CD_01

Tổ Thi 001_DH17CD_01

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 15/01/2021

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi TV101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 16 Số sinh viên vắng 00

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Quang Hiền

Nguyễn Văn Đức

TS. Võ Thanh Trâm

Lê Quang Hiền

Nguyễn Văn Kha



Mã nhận dạng 01959

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18TD_05**

Tổ Thi

001_DH18TD_05

Tên CBGD

Lê Quang Hiền

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV201B

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 % thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138003	Nguyễn Tuấn Anh	DH18TD			8,0	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
2	18138005	Lê Kim Bảo	DH18TD			10	8,0	8,6	0012345678910	0123456789
3	18138040	Nguyễn Ngọc Khải	DH18TD			6,0	6,5	6,4	0012345678910	0123456789
4	18138004	Phan Cao Bằng	DH18TD			7,0	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
5	18138006	Đặng Văn Bình	DH18TD			8,0	9,0	8,7	0012345678910	0123456789
6	18138007	Hồ Quang Cảnh	DH18TD			5,0	5,5	5,4	0012345678910	0123456789
7	18138009	Lê Hữu Chiến	DH18TD			9,0	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
8	18138021	Lê Thành Duy	DH18TD			9,0	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
9	18138012	Huỳnh Phước Đạt	DH18TD			7,0	4,5	5,3	0012345678910	0123456789
10	18138013	Trần Quang Đạt	DH18TD			10	7,0	7,9	0012345678910	0123456789
11	18138015	Nguyễn Công Đình	DH18TD			9,0	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
12	18138016	Nguyễn Long Ngọc Đình	DH18TD			9,0	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
13	15118019	Nguyễn Tấn Đồng	DH15CK						0012345678910	0123456789
14	18138023	Trần Trường Giang	DH18TD			8,0	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
15	18138026	Phan Gia Hiếu	DH18TD			8,0	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
16	18138027	Vũ Minh Hòa	DH18TD			10	7,5	8,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01959

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH18TD_05**

Tổ Thi

001_DH18TD_05

Tên CBGD

Lê Quang Hiền

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV201B

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 %	Điểm Thi %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138028	Trần Văn Hoài	DH18TD			9,0		8,0	8,3	0012345678910	0123456789
18	18138030	Trần Lê Huân	DH18TD			10		7,5	8,3	0012345678910	0123456789
19	18138034	Lê Thanh Huy	DH18TD			9,0		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
20	18138037	Trần Trọng Huy	DH18TD			9,0		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
21	18138032	Chung Hiệp Hưng	DH18TD			0,0		2,5	1,8	0012345678910	0123456789
22	18138033	Nguyễn Thế Hưng	DH18TD			9,0		5,5	6,6	0012345678910	0123456789
23	18138041	Lê Phúc Khang	DH18TD			6,0		6,0	6,0	0012345678910	0123456789
24	18138042	Nguyễn Công Khánh	DH18TD			9,0		7,0	7,6	0012345678910	0123456789
25	18138043	Nguyễn Duy Khánh	DH18TD			9,0		3,0	4,8	0012345678910	0123456789
26	17153038	Nguyễn Tiến Khoa	DH17CD			10		9,0	9,3	0012345678910	0123456789
27	18138044	Đinh Trọng Khôi	DH18TD			0,0		6,0	4,2	0012345678910	0123456789
28	18138046	Phạm Văn Tiễn KỲ	DH18TD			8,0		7,5	7,7	0012345678910	0123456789
29	18138047	Lương Hoàng Lâm	DH18TD			8,0		9,5	9,1	0012345678910	0123456789
30	18138048	Nguyễn Văn Lâm	DH18TD			10		10	10,0	0012345678910	0123456789
31	18138049	Nguyễn Thị Mỹ Linh	DH18TD			10		6,0	7,2	0012345678910	0123456789
32	18138051	Đặng Hoàng Long	DH18TD			10		8,0	8,6	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 01959

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18TD_05**

Tổ Thi

001_DH18TD_05

Tên CBGD

Lê Quang Hiền

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV201B

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 % thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18138052	Hồ Thanh Long	DH18TD			10	9,5	9,7	0012345678910	0123456789
34	18138050	Hứa Phước Lợi	DH18TD			10	10	10	0012345678910	0123456789
35	18138056	Trần Trung Mỹ	DH18TD			9,0	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
36	18138057	Trịnh Hữu Nghĩa	DH18TD			10	6,5	7,6	0012345678910	0123456789
37	18138059	Nguyễn Phúc Nguyên	DH18TD			8,0	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
38	18138060	Lương Thanh Nhân	DH18TD			10	8,5	9,0	0012345678910	0123456789
39	18138061	Kiều Tấn Nhất	DH18TD			9,0	5,0	6,2	0012345678910	0123456789
40	18138062	Trần Phát	DH18TD			9,0	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
41	18138063	Đỗ Thanh Phong	DH18TD			8,0	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
42	18138065	Nguyễn Hồng Phúc	DH18TD			9,0	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
43	18138066	Nguyễn Huỳnh Hoàng Phúc	DH18TD			10	9,0	9,3	0012345678910	0123456789
44	18138069	Trương Thanh Phương	DH18TD			9,0	7,0	7,6	0012345678910	0123456789
45	18138072	Lê Tấn Quý	DH18TD			9,0	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
46	18138074	Trần Đình Sâm	DH18TD			10	9,0	9,3	0012345678910	0123456789
47	18138075	Nguyễn Thanh Sơn	DH18TD			8,0	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
48	18138077	Trịnh Tấn Tài	DH18TD			9,0	9,0	9,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01959

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18TD_05**

Tổ Thi

001_DH18TD_05

Tên CBGD

Lê Quang Hiền

Ngày Thi **15/01/2021**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV201B

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm Thi %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18138078	Huỳnh Phạm Thu Tâm	DH18TD	Tâm		9,0		9,5	9,4	0012345678910	0123456789
50	18138079	Đỗ Đoàn Duy Tân	DH18TD	Tân		8,0		6,5	7,0	0012345678910	0123456789
51	18138081	Nguyễn Trọng Thiên	DH18TD	Thiên		8,0		6,5	7,0	0012345678910	0123456789
52	18138083	Nguyễn Đức Thịnh	DH18TD	Thịnh						0012345678910	0123456789
53	18138084	Nguyễn Hữu Thọ	DH18TD	Thọ		10		5,5	6,8	0012345678910	0123456789
54	18138086	Nguyễn Anh Thuận	DH18TD	Thuận		10		8,5	9,0	0012345678910	0123456789
55	18138087	Nguyễn Trần Minh Thuận	DH18TD	Thuận		9,0		8,5	8,2	0012345678910	0123456789
56	18138088	Thái Minh Thuận	DH18TD	Thuận		10		7,0	7,9	0012345678910	0123456789
57	18138089	Trần Lê Triều Thuận	DH18TD	Thuận		10		6,0	7,2	0012345678910	0123456789
58	18138095	Đào Đức Trung	DH18TD	Trung		8,0		5,5	6,3	0012345678910	0123456789
59	18138097	Phan Bá Trường	DH18TD	Trường		9,0		3,0	4,8	0012345678910	0123456789
60	18138098	Lý Hồng Tuấn	DH18TD	Tuấn		10		9,0	9,3	0012345678910	0123456789
61	18138099	Nguyễn Anh Tuấn	DH18TD	Tuấn		8,0		8,0	8,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01959

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Kỹ thuật CAD,CAM,CNC(207603)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18TD_05

Tổ Thi 001_DH18TD_05

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 15/01/2021

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi TV201B

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 59 Số sinh viên vắng 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N.V. Kiệp

Nguyễn Hữu Hòa

TS. Lê Thanh Hiền

Lê Quang Hiền

Ngô Đăng Khoa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 01

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138040	Nguyễn Ngọc Khải	DH18TD			10	8,5	7,5	8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	18153009	Ngô Mạnh Cường	DH18CD			10	6	5	5,8	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
3	18118033	Lê Phúc Duy	DH18CC			10	6	3	4,6	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
4	18118036	Ung Phương Duy	DH18CC			10	6	4	5,2	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	18118022	Phan Thành Đạt	DH18CC			10	6	4	5,2	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	18118015	Nguyễn Hải Đăng	DH18CC			10	6	4,5	5,5	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
7	18118039	Trần Tuấn Hiệp	DH18CC			5	6	4	4,8	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
8	18153030	Huỳnh Minh Kha	DH18CD			10	8	6	7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	17153042	Nguyễn Quang Linh	DH17CD			10	6	8,5	7,9	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
10	18153041	Lâm Hoàng Long	DH18CD			10	8	7	7,6	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
11	18153043	Nguyễn Thành Long	DH18CD			10	9,5	7	8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	18118077	Thết Chú	DH18CC							●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	18118094	Bồ Tấn Nhân	DH18CC			10	7	5	6,1	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	18153058	Trần Minh Quang	DH18CD			10	9,5	7	8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	18153059	Vũ Thế Quang	DH18CD			10	7	6	8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
16	18153062	Nguyễn Ngọc Quỳnh	DH18CD			10	5	4	4,9	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 01

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC	Tài		10	7,5	6	6,9	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
18	18118125	Nguyễn Minh Tân	DH18TD	mtan		10	8	9,5	9,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
19	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC	Thái		10	7	5	6,1	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC	✓						○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	16153082	Tô Thanh	DH16CD	Thô		10	8	8,5	8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
22	18118133	Lê Nguyễn Tuấn Thành	DH18CC	thuo		10	7	9	8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
23	18118139	Nguyễn Chí Thiện	DH18CC	Thien		10	8,5	7	7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
24	18118152	Dương Minh Tiến	DH18CC	3		10	7,5	6	6,9	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
25	18118155	Nguyễn Phát Tín	DH18CC			10	6	6	6,4	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
26	18118157	Trần Duy Toàn	DH18CC	TC		10	6	5	5,8	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
27	18153077	Nguyễn Minh Trí	DH18CD	Trí		10	9	9	9,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	18153078	Tô Trung Trực	DH18CD	Truc		10	8,5	7,5	8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	18118171	Đặng Minh Tuấn	DH18CC	Quân		10	6,5	7	7,2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	18138099	Nguyễn Anh Tuấn	DH18TD	Trí		10	0	6	4,6	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
31	18118176	Tổng Văn Tuấn	DH18CC	Tuân		10	6	7,5	7,3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
32	18118185	Trần Phúc Vinh	DH18CC	Truc		10	6	5	5,8	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨

Số lượng vắng: 2

Hiện diện: 30

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 26/11/2020 16:13

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Cao Đức Lợi

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 02

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 10%	Điểm 6 thứ	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153001	Trần Phước An	DH19CD	<i>Trần Phước An</i>	01	10	7	6	6.7	○○○12345●78910	○123456●789
2	19153003	Vũ Văn Cương	DH19CD	<i>Vũ Văn Cương</i>	02	10	6.5	6	6.6	○○○12345●78910	○123456●789
3	17154010	Vũ Trọng Nguyên	DH17OT						Vừa	●○○12345678910	○123456789
4	19153008	Ngô Trung Đình	DH19CD	<i>Ngô Trung Đình</i>	01	10	7.5	0	3.3	○○○12●45678910	○12●456789
5	19153011	Huỳnh Cao Duy	DH19CD	<i>Huỳnh Cao Duy</i>	02	8	6.5	2.5	4.5	○○○123●45678910	○12●456789
6	19153012	Lê Công Tiến	DH19CD	<i>Lê Công Tiến</i>	01	10	7	3	4.9	○○○123●45678910	○12345678●
7	19153013	Nguyễn Võ Anh	DH19CD	<i>Nguyễn Võ Anh</i>	02	10	6.5	2.5	4.5	○○○123●45678910	○1234●56789
8	19153014	Phạm Đình Duy	DH19CD	<i>Phạm Đình Duy</i>	01	10	7	1.5	4.0	○○○123●45678910	●123456789
9	19153015	Phan Nguyễn Minh	DH19CD	<i>Phan Nguyễn Minh</i>	02	10	6	3.5	4.9	○○○123●45678910	○12345678●
10	15153014	Nguyễn Phương Duyệt	DH15CD	<i>Nguyễn Phương Duyệt</i>	02	8	5.5	3.5	4.6	○○○123●45678910	○123456789
11	19153010	Nguyễn Ngọc Dương	DH19CD	<i>Nguyễn Ngọc Dương</i>	01	10	7	4.5	5.8	○○○1234●5678910	○123456789
12	19153007	Trương Quốc Đạt	DH19CD	<i>Trương Quốc Đạt</i>	02	8	6.5	8	7.6	○○○123456●78910	○123456●789
13	19153006	Võ Quan Đăng	DH19CD	<i>Võ Quan Đăng</i>	01	10	6.5	2.5	4.5	○○○123●45678910	○1234●56789
14	19153016	Mai Xuân Hải	DH19CD	<i>Mai Xuân Hải</i>	02	10	6	2	4.0	○○○123●45678910	●123456789
15	19153017	Nguyễn Thanh Hải	DH19CD	<i>Nguyễn Thanh Hải</i>	01	8	7	2.5	4.4	○○○123●45678910	○123●456789
16	19153020	Nguyễn Ngọc Hiếu	DH19CD	<i>Nguyễn Ngọc Hiếu</i>	01	8	7	7	7.1	○○○123456●78910	○●123456789



Mã nhận dạng 01057

Trang 2/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 02

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm (thứ)	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	18153022	Nguyễn Văn Minh	Hiếu	DH18CD					Vượt	0012345678910	0123456789
18	17138022	Trần Minh	Huân	DH17TD	02	10	6.5	8	7.8	0012345678910	0123456789
19	19153025	Lương Quang	Huy	DH19CD	01	8	6.5	1	3.4	0012345678910	0123456789
20	18153029	Trương Vĩnh	Huy	DH18CD	02	10	4.5	1.5	3.3	0012345678910	0123456789
21	19153029	Hoàng Cao	Khải	DH19CD	01	10	6	3	4.6	0012345678910	0123456789
22	17154046	Trần Duy	Khoa	DH17OT					Vượt	0012345678910	0123456789
23	19153035	Lê Quang	Kiên	DH19CD	01	10	4.5	3.5	4.5	0012345678910	0123456789
24	19153036	Trần Anh	Kiệt	DH19CD	0.2	10	5	2.5	4.0	0012345678910	0123456789
25	16154055	Y-Ng	Knul	DH16OT					Vượt	0012345678910	0123456789
26	19153037	Đinh Văn Quyền	Linh	DH19CD	02	10	6	2.5	4.3	0012345678910	0123456789
27	19153043	Lê Tấn Thương	Minh	DH19CD	0.2	7	6	1	3.1	0012345678910	0123456789
28	19153044	Trần Văn	Nam	DH19CD	01	10	6.5	2.5	4.5	0012345678910	0123456789
29	18153048	Nguyễn Đại	Nghĩa	DH18CD	02	8	5	2	3.5	0012345678910	0123456789
30	19153049	Võ Văn	Nhật	DH19CD	01	10	7.5	6.5	7.2	0012345678910	0123456789
31	19153052	Đỗ Văn Tinh	Nhỏ	DH19CD	02	10	7	2.5	4.6	0012345678910	0123456789
32	19153053	Nguyễn Vương	Nhật	DH19CD	02	8	4.5	1	2.8	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 02

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 40%	Điểm (thi)	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
33	19153056	Lê Văn Phong	DH19CD	Phong	1	10	6.5	8.5	8.1	0012345678910	0123456789
34	19153061	Nguyễn Hồng Phúc	DH19CD	Phúc	2	10	6	2.5	4.3	0012345678910	0123456789
35	18138071	Nguyễn Minh Quang	DH18TD	Quang	1	8	3.5	7	6.1	0012345678910	0123456789
36	19153063	Lăng Hồng Quân	DH19CD	Quân	1	8	7	1.5	3.8	0012345678910	0123456789
37	19153065	Lê Văn Quý	DH19CD	Quý	2	10	7.5	4.5	6.0	0012345678910	0123456789
38	19153066	Nguyễn Trần Sang	DH19CD	Sang	1	10	6	8	7.6	0012345678910	0123456789
39	19153068	Huỳnh Văn Tấn	DH19CD	Tấn	1	10	5	3.5	4.6	0012345678910	0123456789
40	19153073	Nguyễn Tuấn Thanh	DH19CD	Thanh	1	10	7	4	5.5	0012345678910	0123456789
41	19153075	Nguyễn Tấn Thành	DH19CD	Thành	2	10	6.5	3	4.8	0012345678910	0123456789
42	16154086	Bùi Xuân Thắng	DH16OT						Vui	0012345678910	0123456789
43	19153078	Nguyễn Hưng Thịnh	DH19CD	Thịnh	1	8	7	1	3.5	0012345678910	0123456789
44	19153079	Hoàng Thông	DH19CD	Thông	2	10	6	3.5	4.9	0012345678910	0123456789
45	19153081	Bùi Quang Tiến	DH19CD	Tiến	1	10	5	1	3.1	0012345678910	0123456789
46	19153082	Nguyễn Công Quyết	DH19CD	Quyết	2	10	7	2.5	4.6	0012345678910	0123456789
47	19153083	Giáp Trung Tín	DH19CD	Tín	1	8	7.5	1	3.7	0012345678910	0123456789
48	17153072	Nguyễn Hoàng Toán	DH17CD	Toán	2	10	6	7	7.0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 02

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 10%	Điểm t. thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	19153086	Tạ Thị Ngọc	Trình	DH19CD			10	7.5	2.5	4.8	0012345678910
50	19153088	Nguyễn Công	Trường	DH19CD						0012345678910	00123456789
51	19153090	Mai Lê	Tú	DH19CD		10	7	1	3.7	0012345678910	00123456789
52	17138061	Bùi Anh	Tuấn	DH17TD						0012345678910	00123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Đăng Khoa

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Nguyễn Đăng Khoa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

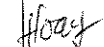
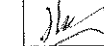
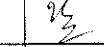
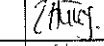
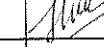
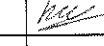
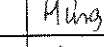
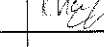
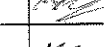
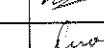
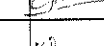
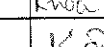
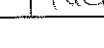
Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 03

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19138001	Võ Hoà An	DH19TD	<i>[Signature]</i>		10	6	7,5	7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
2	19138003	Nguyễn Thanh Ban	DH19TD	<i>[Signature]</i>		10	6	5	5,8	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
3	19138005	Lê Thái Hoàng An Cát	DH19TD	<i>[Signature]</i>		10	6	5	5,8	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
4	19138006	Lê Mạnh Cường	DH19TD	<i>[Signature]</i>		10	6	6	6,4	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
5	19138007	Trần Mạnh Cường	DH19TD	<i>[Signature]</i>		5	6	3,5	4,4	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
6	19138014	Bùi Quang Tấn Duy	DH19TD	<i>[Signature]</i>		10	5	4	4,9	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
7	17153022	Đào Phụng Duy	DH17CD	<i>[Signature]</i>		10	8	7,5	7,9	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
8	19138015	Lê Đình Duy	DH19TD	<i>[Signature]</i>		10	6	6	6,4	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
9	19138016	Nguyễn Thị Thuỷ Duyên	DH19TD	<i>[Signature]</i>		10	9	8	8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
10	19138009	Hà Lê Quang Đạt	DH19TD	<i>[Signature]</i>		10	7	4	5,5	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
11	19138012	Huỳnh Minh Đoàn	DH19TD	<i>[Signature]</i>		10	8	3	5,2	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	19138013	Võ Anh Đức	DH19TD	<i>[Signature]</i>		10	8	8	8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	19138017	Trần Chí Hải	DH19TD	<i>[Signature]</i>		10	8	8	8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	19138018	Lê Minh Hậu	DH19TD	<i>[Signature]</i>		10	6	6,5	6,7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
15	19138019	Phạm Thị Hiền	DH19TD	<i>[Signature]</i>		10	8	7,5	7,9	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
16	19138020	Đinh Văn Hiền	DH19TD	<i>[Signature]</i>		10	7	6	6,7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	16138035	Lý Minh Hoàng	DH16TD			10	0	5	4.0	○ 0 1 2 3 4 ● 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	19138022	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD			8	6	3	4.4	○ 0 1 2 3 4 ● 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 ● 5 6 7 8 9
19	19138023	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD			10	8	9	8.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 8 9
20	19138024	Võ Ngọc Hội	DH19TD			10	6	5	5.8	○ 0 1 2 3 4 ● 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 8 9
21	19138025	Hoàng Phi Hùng	DH19TD			10	7	6	6.7	○ 0 1 2 3 4 5 ● 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 7 8 9
22	19138027	Bùi Huỳnh Song	DH19TD			10	6	7	7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	19138028	Nguyễn Văn Huy	DH19TD			10	6	6	6.4	○ 0 1 2 3 4 5 ● 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 ● 5 6 7 8 9
24	19138026	Nguyễn Viết Hưng	DH19TD			10	9	5	6.7	○ 0 1 2 3 4 5 ● 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 7 8 9
25	19138032	Nguyễn Đình Khang	DH19TD			10	6	2	4.0	○ 0 1 2 3 4 ● 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	19138034	Nguyễn Lê Hữu Khang	DH19TD			10	8	4	5.8	○ 0 1 2 3 4 ● 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 8 9
27	19138036	Lê Duy Khánh	DH19TD			10	6	4.5	5.5	○ 0 1 2 3 4 ● 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 ● 5 6 7 8 9
28	19138037	Phạm PhúC	DH19TD			10	6	8.5	7.9	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 9
29	19138038	Bùi Đăng Khoa	DH19TD			10	6	4	5.2	○ 0 1 2 3 4 ● 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
30	19138039	Bùi Tuấn Khoa	DH19TD			10	7	5	6.1	○ 0 1 2 3 4 5 ● 6 7 8 9 10	○ ● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	19138040	Nguyễn Ngọc Khoa	DH19TD			5	7	7.5	7.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 7 8 9 10	○ ● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	19138041	Nguyễn Trung Kiên	DH19TD			5	6	3.5	4.4	○ 0 1 2 3 4 ● 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 ● 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 03

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	13118022	Trần Anh Kiệt	DH13CC	✓						●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	19138042	Nguyễn Cao Kỳ	DH19TD	Ky		10	6	6	6,4	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
35	19138044	Đặng Thành Long	DH19TD	Long		10	6	5	5,8	○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨
36	19138043	Lê Tiến Lợi	DH19TD	Le		10	9	7	7,9	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧●
37	19138045	Bùi Văn Hữu Luân	DH19TD	Luan		10	8	7	7,6	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨
38	19138046	Võ Văn Minh	DH19TD	Minh		10	6	8	7,6	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨
39	19138048	Nguyễn Cà Na	DH19TD	Na		10	6	7	7,0	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	19138050	Huỳnh Phạm Chánh Nghĩa	DH19TD	Nguyen		10	9	6	7,3	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
41	19138051	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19TD	Nguyen		5	8	6,5	6,8	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨
42	19138052	Đặng Nghĩa Nhân	DH19TD	Nguyen		5	10	4	5,9	○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧●
43	19138054	Đoàn Lê Quang Nhật	DH19TD	Nhat		10	9	6,5	7,6	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨
44	19138055	Trần Đình Nhơn	DH19TD	Nguyen		10	6	6	6,4	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
45	18153050	Nguyễn Minh Nhựt	DH18CD	Nhut		10	8	7,5	7,9	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧●
46	19138057	Trần Minh Nhựt	DH19TD	✓						●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
47	19138058	Phạm Nguyễn Anh Pha	DH19TD	Pha		10	6	6,5	6,7	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨
48	19138059	Nguyễn Thành Phàm	DH19TD	Pham		10	7	5,5	6,4	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 03

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
49	19138060	Nguyễn Bảo Phi	DH19TD			10	6	4	5.2	○○○1234●678910	○1●3456789
50	19138061	Nguyễn Châu Phi	DH19TD							●○○12345678910	○123456789
51	19138062	Nguyễn Quốc Phú	DH19TD			10	9	7	7.9	○○○123456●8910	○12345678●
52	19138064	Vũ Đức Phương	DH19TD			10	8	8	8.2	○○○1234567●910	○1●3456789
53	19138065	Lê Đăng Quang	DH19TD			10	8	9.5	9.1	○○○12345678●10	○●23456789
54	19138066	Mai Văn QuYến	DH19TD			10	9	8	8.5	○○○1234567●910	○1234●6789
55	19138067	Võ Thiện Sang	DH19TD			10	9	6.5	7.6	○○○123456●8910	○12345●789
56	19138070	Nguyễn Chí Tâm	DH19TD			10	6	4	5.2	○○○1234●678910	○1●3456789
57	19138071	Nguyễn Bá Thái	DH19TD			10	6	4	5.2	○○○1234●678910	○1●3456789
58	19138072	Trần Hoàng Thái	DH19TD			10	7	6.5	7.0	○○○123456●8910	●123456789
59	19138073	Đỗ Quang Thành	DH19TD			10	7	6.5	7.0	○○○123456●8910	●123456789
60	19138074	Nguyễn Tuấn Thành	DH19TD			5	9	6.5	7.1	○○○123456●8910	○●23456789
61	19138075	Trần Công Thịnh	DH19TD			10	8	9.5	9.1	○○○12345678●10	○●23456789
62	19138076	Hồ Thị Hà Thư	DH19TD			10	8	9	8.8	○○○1234567●910	○1234567●9
63	19138077	Dương Văn Tiến	DH19TD			10	6	8.5	7.9	○○○123456●8910	○12345678●
64	18127061	Nguyễn Văn Tiến	DH18TD			10	6	3	4.6	○○○123●5678910	○12345●789

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Học, Thạc

Caio Abilio



Mã nhận dạng 01962

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Mạch điện(207623)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_01

Tổ Thi 001_DH18CD_01

Tên CBGD Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 20/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 10%	Điểm 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153002	Trương Quốc Anh	DH18CD			8	8	1.5	4.2	0012345678910	0123456789
2	16153002	Vũ Phan Anh	DH16CD			10	7	4	5.5	0012345678910	0123456789
3	18153003	Đình Quốc Bảo	DH18CD			10	7	5	6.1	0012345678910	0123456789
4	18153004	Nguyễn Ngọc Bảo	DH18CD			10	6	6	6.4	0012345678910	0123456789
5	18153005	Phan Chí Bảo	DH18CD			8	8	2.5	4.7	0012345678910	0123456789
6	18153006	Trần Hữu Chí	DH18CD			10	9	3	5.6	0012345678910	0123456789
7	17153011	Nguyễn Minh Chiến	DH17CD						Vắng	0012345678910	0123456789
8	18153007	Trần Minh Chiến	DH18CD			10	8	7.5	7.9	0012345678910	0123456789
9	16153005	Võ Thái Công	DH16CD			8	5	6	5.9	0012345678910	0123456789
10	18153009	Ngô Mạnh Cường	DH18CD			8	9	2	4.7	0012345678910	0123456789
11	18153011	Võ Thành Danh	DH18CD			10	9	3	5.5	0012345678910	0123456789
12	18153013	Nguyễn Văn Dư	DH18CD			10	8	1.5	4.3	0012345678910	0123456789
13	18153015	Đỗ Trung Dương	DH18CD			10	8	2.5	4.9	0012345678910	0123456789
14	18153016	Nguyễn Thái Dương	DH18CD			10	7.5	2	4.5	0012345678910	0123456789
15	18153012	Trần Tấn Đạt	DH18CD			8	8	3	5.0	0012345678910	0123456789
16	18153010	Đặng Hải Đăng	DH18CD			10	5	1	3.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01962

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Mạch điện(207623)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_01

Tổ Thi 001_DH18CD_01

Tên CBGD Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 20/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm bình quả	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	14138008	Lê Văn Đồng	DH14TD			10	5	3.5	4.6	0012345678910	0123456789
18	18153014	Bùi Hữu Đức	DH18CD			10	8	2.5	4.9	0012345678910	0123456789
19	18153017	Nguyễn Bảo Giang	DH18CD			10	9	2.5	5.2	0012345678910	0123456789
20	18153018	Lê Thanh Hải	DH18CD			10	9	7	7.9	0012345678910	0123456789
21	18153021	Nguyễn Trung Hiếu	DH18CD			10	9	4.5	6.4	0012345678910	0123456789
22	18153022	Nguyễn Văn Minh	DH18CD						Vấn	0012345678910	0123456789
23	18153024	Nguyễn Phúc Hòa	DH18CD			7	6	0	2.5	0012345678910	0123456789
24	18153026	Đoàn Ngọc Hoàng	DH18CD			10	6	5.5	6.1	0012345678910	0123456789
25	16138035	Lý Minh Hoàng	DH16TD			5	5	1.5	2.9	0012345678910	0123456789
26	14138011	Nguyễn Chánh Hoàng	DH14TD			5	5	1.5	2.9	0012345678910	0123456789
27	18153029	Trương Vĩnh Huy	DH18CD			7	7.5	1	3.6	0012345678910	0123456789
28	18153027	Trần Ngọc Hưng	DH18CD			10	7.5	4.5	6.0	0012345678910	0123456789
29	18153030	Huỳnh Minh Kha	DH18CD			10	6	5	5.8	0012345678910	0123456789
30	18153033	Nguyễn Viết Vĩnh Khang	DH18CD			10	6	1	3.4	0012345678910	0123456789
31	18153035	Vũ Chúc Khiêm	DH18CD			10	9	2	4.9	0012345678910	0123456789
32	18153036	Trần Việt Khoa	DH18CD			10	8	2	4.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01962

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Mạch điện(207623)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_01

Tổ Thi 001_DH18CD_01

Tên CBGD Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 20/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm Đ1/Đ2	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18153037	Nguyễn Minh Khôi	DH18CD						Vừa	0012345678910	0123456789
34	14138016	Phạm Đăng Khôi	DH14TD			0	0	1	0.6	0012345678910	0123456789
35	18153038	Lê Trọng Lâm	DH18CD			10	8	5	6.4	0012345678910	0123456789
36	18153039	Trần Cao Linh	DH18CD			10	8	3.5	5.5	0012345678910	0123456789
37	18153041	Lâm Hoàng Long	DH18CD						Vừa	0012345678910	0123456789
38	18153042	Lưu Hoàng Long	DH18CD			10	5	4.0	4.9	0012345678910	0123456789
39	18153043	Nguyễn Thành Long	DH18CD			10	8	1.5	4.3	0012345678910	0123456789
40	18153047	Huỳnh Minh Mẫn	DH18CD			10	7	1.5	4.0	0012345678910	0123456789
41	17138033	Lê Nguyễn Hoài Nam	DH17TD			5	8	2.5	4.4	0012345678910	0123456789
42	17153046	Ngô Thiên Nghĩa	DH17CD			8	6.5	2	4.0	0012345678910	0123456789
43	18153048	Nguyễn Đại Nghĩa	DH18CD			10	8	2.5	4.9	0012345678910	0123456789
44	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD			10	7	4.5	5.8	0012345678910	0123456789
45	18153050	Nguyễn Minh Nhựt	DH18CD						Vừa	0012345678910	0123456789
46	18153051	Trần Minh Nhựt	DH18CD			10	9	6.5	7.6	0012345678910	0123456789
47	18153053	Nguyễn Công Xuân Phú	DH18CD			10	8	4	5.8	0012345678910	0123456789
48	18153054	Nguyễn Tấn Phúc	DH18CD			10	6	3.5	4.9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01962

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Mạch điện(207623)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_01

Tổ Thi 001_DH18CD_01

Tên CBGD Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 20/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 10%	Điểm 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18153056	Nguyễn Đăng Quang	DH18CD			10	7	2.5	4.6	0012345678910	0123456789
50	18153057	Trần Minh Quang	DH18CD			10	9	4.5	6.4	0012345678910	0123456789
51	18153058	Trần Minh Quang	DH18CD			10	8	4.5	6.1	0012345678910	0123456789
52	18153059	Vũ Thế Quang	DH18CD						Vũ Thế	0012345678910	0123456789
53	18153060	Phạm Thanh Quê	DH18CD			10	9	3.5	5.8	0012345678910	0123456789
54	18153062	Nguyễn Ngọc Quỳnh	DH18CD			8	8	2	4.4	0012345678910	0123456789
55	15138054	Trang Minh Sáng	DH15TD			10	7	3	4.9	0012345678910	0123456789
56	17153059	Nguyễn Thanh Sơn	DH17CD			10	7	6	6.7	0012345678910	0123456789
57	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD			7	6.5	4.5	5.4	0012345678910	0123456789
58	18153065	Lương Viết Tây	DH18CD						Vũ Thế	0012345678910	0123456789
59	18153067	Trần Hải Thành	DH18CD			10	8	3	5.2	0012345678910	0123456789
60	17138048	Đỗ Lý Việt Thắng	DH17TD			7	6	1	3.1	0012345678910	0123456789
61	18153066	Nguyễn Minh Đức Thắng	DH18CD			10	9	4	6.1	0012345678910	0123456789
62	18153069	Bùi Xuân Thiện	DH18CD			10	8	4.5	6.1	0012345678910	0123456789
63	18153073	Nguyễn Tất Thuận	DH18CD			8	8	7	7.4	0012345678910	0123456789
64	17153073	Nguyễn Minh Toàn	DH17CD			10	6.5	5	6.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01962

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Mạch điện(207623)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_01

Tổ Thi 001_DH18CD_01

Tên CBGD Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 20/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm lấy	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	17153074	Phan Nguyễn Trung Toàn	DH17CD			10	7	3.5	5.2	0012345678910	0123456789
66	18153077	Nguyễn Minh Trí	DH18CD			10	7	2.5	4.6	0012345678910	0123456789
67	17138057	Đào Bá Khánh Trình	DH17TD			10	6	3	4.6	0012345678910	0123456789
68	15153070	Lê Bá Trọng	DH15CD			7	7	2	4.0	0012345678910	0123456789
69	18153078	Tô Trung Trục	DH18CD			10	6.5	2	4.2	0012345678910	0123456789
70	18153082	Hà Minh Tùng	DH18CD			10	7.5	2	4.5	0012345678910	0123456789
71	18153083	Phạm Khải Tường	DH18CD			10	7	3	4.9	0012345678910	0123456789
72	16153107	Lâm Văn Vinh	DH16CD			5	7	3	4.4	0012345678910	0123456789
73	18153086	Nguyễn Việt Ý	DH18CD			10	8	5	6.4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi .66 Số sinh viên vắng ...7..

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Đăng Khoa
Ngày in : 11/12/2020
CBCT 3

Bùi Công Hành

TS. NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Nguyễn Anh Khoa



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập Robot (207630) - 02

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	17138002	Trần Thanh Bình	DH17TD			9,0		8,0	8,2	0012345678910	0123456789
2	17138004	Lê Mạnh Cường	DH17TD			9,0		7,0	7,4	0012345678910	0123456789
3	17138005	Mai Hùng Cường	DH17TD			9,0		4,0	5,0	0012345678910	0123456789
4	17138006	Nguyễn Mạnh Cường	DH17TD			8,0		6,0	6,4	0012345678910	0123456789
5	17138012	Phạm Hải Dương	DH17TD			9,0		8,0	8,2	0012345678910	0123456789
6	17138007	Trần Quang Đại	DH17TD			9,0		6,5	7,0	0012345678910	0123456789
7	17138008	Nguyễn Hữu Đan	DH17TD			9,0		8,5	8,6	0012345678910	0123456789
8	17138015	Lưu Thanh Hiền	DH17TD			9,0		8,0	8,2	0012345678910	0123456789
9	17138016	Hồ Hiền	DH17TD			9,0		5,0	5,8	0012345678910	0123456789
10	17138025	Nguyễn Văn Khánh	DH17TD			8,0		9,5	9,2	0012345678910	0123456789
11	17138028	Nguyễn Vũ Minh Khôi	DH17TD			9,0		6,0	6,6	0012345678910	0123456789
12	17138029	Nguyễn Văn Linh	DH17TD			8,0		6,0	6,4	0012345678910	0123456789
13	17138030	Phan Nguyễn Hoàng Long	DH17TD			9,0		6,0	6,6	0012345678910	0123456789
14	17138035	Dương Hoàng Nguyên	DH17TD			9,0		6,0	6,6	0012345678910	0123456789
15	17138037	Bùi Trung Pháp	DH17TD			9,0		6,0	6,6	0012345678910	0123456789
16	17138038	Trần Huy Phát	DH17TD			9,0		2,0	3,4	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập Robot (207630) - 02

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	17138042	Nguyễn Trung Quân	DH17TD			9,0		4,0	5,0	0012345678910	0123456789
18	17138045	Nguyễn Thế Tài	DH17TD			9,0		2,0	3,4	0012345678910	0123456789
19	17138049	Võ Văn Thành	DH17TD			9,0		2,0	3,4	0012345678910	0123456789
20	17138048	Đỗ Lý Việt	DH17TD			8,0		4,5	5,2	0012345678910	0123456789
21	17138053	Lê Hữu Thuận	DH17TD			9,0		8,0	8,2	0012345678910	0123456789
22	17138054	Nguyễn Ngọc Minh	DH17TD			9,0		9,0	9,0	0012345678910	0123456789
23	17138055	Huỳnh Quang Tiến	DH17TD			9,0		9,0	9,0	0012345678910	0123456789
24	17138057	Đào Bá Khánh	DH17TD			9,0		8,0	8,2	0012345678910	0123456789
25	17138059	Nguyễn Chí Trung	DH17TD			8,0		4,0	4,8	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 00

Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Quang Hiền

TS. Võ Văn Tiến

Lê Quang Hiền

Nguyễn Đình Khu



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập Robot (207630) - 03

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17138001	Huỳnh Hoài Bảo	DH17TD			8,0		6,5	6,8	0012345678910	0123456789
2	17138011	Nguyễn Đình Quốc Dũng	DH17TD			9,0		7,5	7,8	0012345678910	0123456789
3	17138014	Ngô Quốc Gia	DH17TD			8,0		7,5	7,6	0012345678910	0123456789
4	17138019	Trần Minh Hiếu	DH17TD			9,0		6,0	6,6	0012345678910	0123456789
5	17138020	Trịnh Minh Hiếu	DH17TD			9,0		6,0	6,6	0012345678910	0123456789
6	17138021	Nguyễn Đình Hồ	DH17TD			8,0		8,0	8,0	0012345678910	0123456789
7	17138022	Trần Minh Huân	DH17TD			7,0		8,0	7,8	0012345678910	0123456789
8	17138024	Phạm Ngọc Khải	DH17TD			9,0		7,5	7,8	0012345678910	0123456789
9	17138027	Nguyễn Tấn Khôi	DH17TD			7,0		2,5	3,4	0012345678910	0123456789
10	16138048	K'Pă Krim	DH16TD			8,0		4,0	4,8	0012345678910	0123456789
11	17138034	Tạ Đình Nam	DH17TD			8,0		2,5	3,6	0012345678910	0123456789
12	17138036	Huỳnh Kim Ninh	DH17TD			9,0		7,0	7,4	0012345678910	0123456789
13	17138039	Lê Quang PHiếu	DH17TD			8,0		6,0	6,4	0012345678910	0123456789
14	17138041	Trần Duy Phương	DH17TD			8,0		7,5	7,6	0012345678910	0123456789
15	17138044	Nguyễn Linh Sang	DH17TD			8,0		9,0	8,8	0012345678910	0123456789
16	17138046	Trần Trung Tâm	DH17TD			8,0		5,0	5,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01062

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập Robot (207630) - 03

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thực	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17138050	Lê Đức Thịnh	DH17TD			7,0		4,5	5,0	0012345678910	0123456789
18	17138051	Lưu Thị Ánh Thu	DH17TD			5,0		8,0	7,4	0012345678910	0123456789
19	17138052	Phạm Hoài Thu	DH17TD			8,0		7,0	7,2	0012345678910	0123456789
20	17138056	Nguyễn Nhựt Tiến	DH17TD			8,0		7,0	7,2	0012345678910	0123456789
21	17138060	Trương Tuấn Tú	DH17TD			8,0		7,0	7,2	0012345678910	0123456789
22	17138061	Bùi Anh Tuấn	DH17TD							0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 01

Hiện diện: 21

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập tốt nghiệp (207636) - 02

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thực	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153002	Nguyễn Ngọc Trúc Anh	DH17CD						9.0	0012345678910	0123456789
2	17153004	Hồ Thái Bảo	DH17CD						9.0	0012345678910	0123456789
3	17153005	Lê Hoàng Bảo	DH17CD						9.0	0012345678910	0123456789
4	17153006	Nguyễn Tuấn Bảo	DH17CD						9.5	0012345678910	0123456789
5	17153003	Bùi Đình Bắc	DH17CD						9.3	0012345678910	0123456789
6	17153010	Vương Quốc Việt	DH17CD						9.3	0012345678910	0123456789
7	14153008	Huỳnh Ngọc Cường	DH14CD						9.0	0012345678910	0123456789
8	15153007	Lê Công Danh	DH15CD						8.5	0012345678910	0123456789
9	17153017	Nguyễn Hồng Dung	DH17CD						8.8	0012345678910	0123456789
10	17153022	Đào Phụng Duy	DH17CD						9.3	0012345678910	0123456789
11	17153021	Đặng Thế Duy	DH17CD						8.8	0012345678910	0123456789
12	17153023	Nguyễn Hùng Duy	DH17CD						9.3	0012345678910	0123456789
13	17153019	Nguyễn Hoàng Dương	DH17CD						9.0	0012345678910	0123456789
14	17153012	Dương Tấn Đạt	DH17CD						9.0	0012345678910	0123456789
15	14153075	Đỗ Minh Đế	DH14CD						9.5	0012345678910	0123456789
16	17153013	Hà Công Định	DH17CD						9.0	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập tốt nghiệp (207636) - 02

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153014	Bùi Phú Đức	DH17CD						8.5	0012345678910	0123456789
18	17153016	Nguyễn Trung	DH17CD						9.0	0012345678910	0123456789
19	17153024	Đặng Minh	DH17CD						9.3	0012345678910	0123456789
20	17153025	Trần Sơn	DH17CD						9.0	0012345678910	0123456789
21	17153200	Phạm Văn	DH17CD						8.8	0012345678910	0123456789
22	17153026	Nguyễn Trường	DH17CD						9.5	0012345678910	0123456789
23	17153027	Lê Trung	DH17CD						8.8	0012345678910	0123456789
24	16153027	Hán Tấn	DH16CD						8.5	0012345678910	0123456789
25	17153030	Bùi Văn	DH17CD						9.0	0012345678910	0123456789
26	17153032	Lê Nguyễn	DH17CD						9.0	0012345678910	0123456789
27	17153033	Trần Quang	DH17CD						9.0	0012345678910	0123456789
28	17153034	Lê Văn	DH17CD						9.3	0012345678910	0123456789
29	17153035	Dương Quốc	DH17CD						9.3	0012345678910	0123456789
30	14153096	Huỳnh Duy	DH14CD						9.5	0012345678910	0123456789
31	17153037	Ngô Tín	DH17CD						8.0	0012345678910	0123456789
32	17153038	Nguyễn Tiến	DH17CD						9.0	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập tốt nghiệp (207636) - 02

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	17153039	Bùi Tuấn Kiên	DH17CD						9.0	0012345678910	0123456789
34	17153040	Đặng Ngọc Lâm	DH17CD						9.0	0012345678910	0123456789
35	17153041	Lương Chí Lập	DH17CD						9.3	0012345678910	0123456789
36	17153042	Nguyễn Quang Linh	DH17CD						9.3	0012345678910	0123456789
37	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD						9.3	0012345678910	0123456789
38	17153046	Ngô Thiên Nghĩa	DH17CD						9.3	0012345678910	0123456789
39	17153047	Nguyễn Trung Nghĩa	DH17CD						9.3	0012345678910	0123456789
40	17153048	Lê Khánh Nguyên	DH17CD						9.3	0012345678910	0123456789
41	17153049	Hoàng Đình Nhân	DH17CD						9.3	0012345678910	0123456789
42	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD						8.0	0012345678910	0123456789
43	17153053	Đoàn Trần Minh Nhựt	DH17CD						9.5	0012345678910	0123456789
44	17153054	Dương Trung Ninh	DH17CD						9.5	0012345678910	0123456789
45	17153055	Trương Hoàng Phong	DH17CD						9.0	0012345678910	0123456789
46	17153057	Nguyễn Đức Phúc	DH17CD						8.8	0012345678910	0123456789
47	17153058	Nguyễn Hồng Phúc	DH17CD						9.0	0012345678910	0123456789
48	17153059	Nguyễn Thanh Sơn	DH17CD						9.3	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập tốt nghiệp (207636) - 02

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	17153060	Đoàn Hữu Tài	DH17CD						9.0	○○○12345678●10	●123456789
50	17153064	Kiều Văn Tấn	DH17CD						9.0	○○○12345678●10	●123456789
51	17153065	Phan Trọng Thái	DH17CD						9.0	○○○12345678●10	●123456789
52	17153066	Đào Minh Thành	DH17CD						9.0	○○○12345678●10	●123456789
53	17153067	Trương Đức Thịnh	DH17CD						8.8	○○○1234567●8910	○1234567●89
54	17153068	Phan Anh Thơ	DH17CD						9.3	○○○12345678●10	○12●456789
55	17153070	Nguyễn Trọng Tiến	DH17CD						9.5	○○○12345678●10	○1234●56789
56	17153071	Trần Đức Tín	DH17CD						9.5	○○○12345678●10	○1234●56789
57	17153073	Nguyễn Minh Toàn	DH17CD						8.8	○○○1234567●8910	○1234567●89
58	17153074	Phan Nguyễn Trung Toàn	DH17CD						8.5	○○○1234567●8910	○1234●56789
59	17153072	Nguyễn Hoàng Toán	DH17CD						9.5	○○○12345678●10	○1234●56789
60	17153075	Lê Quốc Trang	DH17CD						9.0	○○○12345678●10	●123456789
61	17153076	Phạm Ngọc Triệu	DH17CD						9.3	○○○12345678●10	○12●456789
62	15153070	Lê Bá Trọng	DH15CD						9.0	○○○12345678●10	●123456789
63	17153077	Phan Bảo Trọng	DH17CD						9.0	○○○12345678●10	●123456789
64	17153078	Lê Văn Tuấn	DH17CD						9.5	○○○12345678●10	○1234●56789



Mã nhận dạng 01064

Trang 5/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập tốt nghiệp (207636) - 02

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	16153102	Nguyễn Minh Tuấn	DH16CD						9.0	0012345678910	0123456789
66	17153079	Võ Quốc Việt	DH17CD						9.0	0012345678910	0123456789
67	17153080	Hoàng Thanh Vương	DH17CD						8.8	0012345678910	0123456789
68	17153081	Dương Bảo Ý	DH17CD						9.0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Đăng Khoa

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

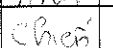
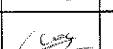
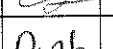
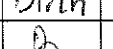
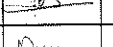
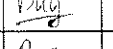
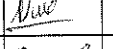
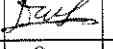
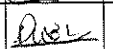
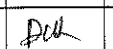
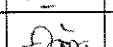
Nguyễn Đăng Khoa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kiến tập cơ sở (207639) - 02

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153001	Bùi Vũ Khánh An	DH18CD						8.5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
2	19153001	Trần Phước An	DH19CD						8.5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
3	19153002	Nguyễn Đức Anh	DH19CD						8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
4	17153011	Nguyễn Minh Chiến	DH17CD						9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
5	19153003	Vũ Văn Cương	DH19CD						9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
6	19153008	Ngô Trung Đình	DH19CD						8.5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
7	16153017	Đoàn Văn Duy	DH16CD						9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
8	19153011	Huỳnh Cao Duy	DH19CD						8.5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
9	19153012	Lê Công Tiến Duy	DH19CD						9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
10	19153013	Nguyễn Võ Anh Duy	DH19CD						9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
11	19153014	Phạm Đình Duy	DH19CD						9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
12	19153015	Phan Nguyễn Minh Duy	DH19CD						9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
13	19153010	Nguyễn Ngọc Dương	DH19CD						8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
14	19153007	Trương Quốc Đạt	DH19CD						8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
15	19153004	Nguyễn Hải Đăng	DH19CD						8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
16	19153006	Võ Quan Đăng	DH19CD						9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18153017	Nguyễn Bảo Giang	DH18CD						9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	19153016	Mai Xuân Hải	DH19CD						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	19153017	Nguyễn Thanh Hải	DH19CD						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	17153200	Phạm Văn Hạnh	DH17CD						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	19153019	Bùi Anh Hiếu	DH19CD						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	19153020	Nguyễn Ngọc Hiếu	DH19CD						9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	19153021	Lê Phước Hoài	DH19CD						7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	19153025	Lương Quang Huy	DH19CD						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	19153026	Trần Quốc Huy	DH19CD						9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	19153029	Hoàng Cao Khải	DH19CD						8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	19153030	Nguyễn Duy Khang	DH19CD						8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	19153033	Mai Đăng Khoa	DH19CD						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	19153034	Chu Trương Đăng Khôi	DH19CD						8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	19153035	Lê Quang Kiên	DH19CD						9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	19153036	Trần Anh Kiệt	DH19CD						9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	19153037	Đinh Văn Quyền Linh	DH19CD						8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 01065

Trang 3/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kiến tập cơ sở (207639) - 02

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19153039	Lê Văn Lộc	DH19CD						8	0012345678910	0123456789
34	16153052	Nguyễn Thanh Luận	DH16CD						8.5	0012345678910	0123456789
35	19153041	Đặng Sơn Minh	DH19CD						8	0012345678910	0123456789
36	19153043	Lê Tấn Thương Minh	DH19CD						8	0012345678910	0123456789
37	16153056	Đặng Toàn Mỹ	DH16CD						7	0012345678910	0123456789
38	19153044	Trần Văn Nam	DH19CD						8	0012345678910	0123456789
39	19153045	Bùi Hoàng Phước Nghĩa	DH19CD						Vượt	0012345678910	0123456789
40	19153048	Lý Thanh Nhân	DH19CD						8	0012345678910	0123456789
41	19153049	Võ Văn Nhất	DH19CD						9	0012345678910	0123456789
42	19153052	Đỗ Văn Tình Nhỏ	DH19CD						9	0012345678910	0123456789
43	19153053	Nguyễn Vương Nhựt	DH19CD						9	0012345678910	0123456789
44	19153056	Lê Văn Phong	DH19CD						8.5	0012345678910	0123456789
45	19153057	Nguyễn Duy Phong	DH19CD						9	0012345678910	0123456789
46	19153058	Cao Thành Phú	DH19CD						8	0012345678910	0123456789
47	19153061	Nguyễn Hồng Phúc	DH19CD						9	0012345678910	0123456789
48	19153062	Trần Nguyên Anh Phương	DH19CD						8	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kiến tập cơ sở (207639) - 02

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	19153063	Lăng Hồng Quân	DH19CD	<i>[Signature]</i>					8	○○○12345678910	①123456789
50	19153064	Lê Hữu Quý	DH19CD	<i>[Signature]</i>					8.5	○○○12345678910	①123456789
51	19153065	Lê Văn Quý	DH19CD	<i>[Signature]</i>					8	○○○12345678910	①123456789
52	19153066	Nguyễn Trần Sang	DH19CD	<i>[Signature]</i>					9	○○○12345678910	①123456789
53	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD	<i>[Signature]</i>					8	○○○12345678910	①123456789
54	19153068	Huỳnh Văn Tấn	DH19CD	<i>[Signature]</i>					9	○○○12345678910	①123456789
55	19153069	Lương Bảo Thái	DH19CD						Vùng	●○○12345678910	①123456789
56	19153070	Trương Văn Thái	DH19CD	<i>[Signature]</i>					8	○○○12345678910	①123456789
57	19153072	Hồ Chí Thanh	DH19CD	<i>[Signature]</i>					8.5	○○○12345678910	①123456789
58	19153073	Nguyễn Tuấn Thanh	DH19CD	<i>[Signature]</i>					8.5	○○○12345678910	①123456789
59	19153074	Đào Minh Thành	DH19CD	<i>[Signature]</i>					8.5	○○○12345678910	①123456789
60	19153075	Nguyễn Tấn Thành	DH19CD	<i>[Signature]</i>					8.5	○○○12345678910	①123456789
61	19153071	Nguyễn Cao Thắng	DH19CD	<i>[Signature]</i>					8	○○○12345678910	①123456789
62	19153077	Nguyễn Gia Thịnh	DH19CD	<i>[Signature]</i>					8	○○○12345678910	①123456789
63	19153078	Nguyễn Hưng Thịnh	DH19CD	<i>[Signature]</i>					8.5	○○○12345678910	①123456789
64	19153079	Hoàng Thông	DH19CD	<i>[Signature]</i>					8	○○○12345678910	①123456789

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 26/11/2020 16:13



Mã nhận dạng 01965

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ bảo dưỡng & SC ôtô (207705)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17OT_02

Tổ Thi 001_DH17OT_02

Tên CBGD Lê Văn Điện

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154002	Lê Bảo Anh	DH17OT				9	9	9	0012345678910	0123456789
2	17154003	Lê Đức Anh	DH17OT				9	4	5,5	0012345678910	0123456789
3	17154004	Nguyễn Ngọc Đoan	DH17OT				9	10	9,7	0012345678910	0123456789
4	17154005	Nguyễn Hoài Bảo	DH17OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
5	17154006	Nguyễn Lê Quỳnh Châu	DH17OT				9	9	9	0012345678910	0123456789
6	17154007	Nguyễn Tấn Chí	DH17OT				9	9	9	0012345678910	0123456789
7	17154009	Nguyễn Thành Công	DH17OT				9	9	9	0012345678910	0123456789
8	17154022	Đình Nguyễn Đình Duy	DH17OT				9	9	9	0012345678910	0123456789
9	17154018	Trần Thế Dư	DH17OT				9	9	9	0012345678910	0123456789
10	17154011	Đặng Thành Đạt	DH17OT				9	10	9,7	0012345678910	0123456789
11	17154012	Nguyễn Quân Đạt	DH17OT				9	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
12	17154013	Phạm Thành Đạt	DH17OT				9	9	9	0012345678910	0123456789
13	17154014	Trần Văn Đạt	DH17OT				9	9	9	0012345678910	0123456789
14	17154015	Hồ Thanh Điền	DH17OT				9	6	6,9	0012345678910	0123456789
15	17154016	Nguyễn Khoa Điện	DH17OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
16	17154017	Nguyễn Thành Đô	DH17OT				9	9	9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01965

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ bảo dưỡng & SC ô tô (207705)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17OT_02

Tổ Thi 001_DH17OT_02

Tên CBGD Lê Văn Điện

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17154019	Nguyễn Hữu Đức	DH17OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
18	17154021	Trần Minh Đức	DH17OT				9	6	6,9	0012345678910	0123456789
19	17154023	Nguyễn Hoàng Trường	Giang				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
20	17154024	Phạm Văn Giàu	DH17OT				9	9	9	0012345678910	0123456789
21	17154025	Hồ Việt Hải	DH17OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
22	17154026	Tiết Huỳnh Ngọc	Hải				9	6	6,9	0012345678910	0123456789
23	17154027	Lê Hồng Hiếu	DH17OT				8	7	7,3	0012345678910	0123456789
24	17154029	Phan Thanh Hiếu	DH17OT				9	9	9	0012345678910	0123456789
25	17154030	Lê Quang Hoan	DH17OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
26	17154032	Lê Huy Hoàng	DH17OT				9	9	9	0012345678910	0123456789
27	17154033	Ngô Minh Hoàng	DH17OT				9	9	9	0012345678910	0123456789
28	17154034	Nguyễn Tấn Hùng	DH17OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
29	17154035	Nguyễn Thanh Hùng	DH17OT				9	10	9,7	0012345678910	0123456789
30	17154036	Hà Quang Huy	DH17OT				9	10	9,7	0012345678910	0123456789
31	17154038	Lê Tuấn Khang	DH17OT				9	10	9,7	0012345678910	0123456789
32	17154039	Phạm Hoàng Khang	DH17OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01965

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ bảo dưỡng & SC ôtô (207705)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17OT_02

Tổ Thi 001_DH17OT_02

Tên CBGD Lê Văn Điện

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD202

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17154040	Phạm Văn Khang	DH17OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
34	17154041	Nguyễn Duy Khánh	DH17OT				9	6	6,9	0012345678910	0123456789
35	17154042	Nguyễn Quốc Khánh	DH17OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 3,5 Số sinh viên vắng 0

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Điện

Lê Quang Vinh

Nguyễn Quốc Khánh

Lê Văn Điện



Mã nhận dạng 01966

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ bảo dưỡng & SC ô tô (207705)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH17OT_02

Tổ Thi 002_DH17OT_02

Tên CBGD Lê Văn Điện

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV201A

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17154916	Tất Vĩnh Thành	DH17OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
34	17154094	Huỳnh Phước	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
35	17154090	Nguyễn Đình	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
36	17154091	Phạm Bá	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
37	17154096	Nguyễn Tấn	DH17OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
38	17154097	Nguyễn Văn	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
39	17154098	Trần Đình	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
40	17154100	Nguyễn Phước	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
41	17154102	Lê Cao Quốc	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
42	17154103	Nguyễn Quang	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
43	17154104	Nguyễn Võ Minh	DH17OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
44	17154105	Nguyễn Trung	DH17OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
45	17154107	Nguyễn Văn	DH17OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
46	17154108	Trần Văn	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
47	17154110	Lê Thị Thảo	DH17OT			9		10	9,7	0012345678910	0123456789
48	17154112	Trần Nguyễn Xuân	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01966

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ bảo dưỡng & SC ôtô (207705)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH17OT_02

Tổ Thi 002_DH17OT_02

Tên CBGD Lê Văn Điện

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV201A

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17154067	Nguyễn Văn Nhật	DH17OT	Nhật		9		6	6,9	0012345678910	0123456789
18	17154069	Lê Văn Tấn	DH17OT	Tấn		9		9	9	0012345678910	0123456789
19	17154070	Nguyễn Thanh Phong	DH17OT	Phong		9		9	9	0012345678910	0123456789
20	17154071	Trần Huỳnh Phúc	DH17OT	Phúc		9		7	7,6	0012345678910	0123456789
21	17154073	Đặng Hữu Phước	DH17OT	Phước		9		10	9,7	0012345678910	0123456789
22	17154075	Cao Việt Quang	DH17OT	Quang		9		8	8,3	0012345678910	0123456789
23	17154074	Đỗ Trung Quân	DH17OT	Quân		9		4	5,5	0012345678910	0123456789
24	17154078	Lê Thanh Sơn	DH17OT	Sơn		9		6	6,9	0012345678910	0123456789
25	17154079	Nguyễn Hồng Sơn	DH17OT	Sơn		9		8	8,3	0012345678910	0123456789
26	17154080	Nguyễn Văn Sơn	DH17OT	Sơn		9		9	9	0012345678910	0123456789
27	17154082	Võ Hoàng Sơn	DH17OT	Sơn		9		9	9	0012345678910	0123456789
28	17154083	Châu Phước Tài	DH17OT	Tài		9		9	9	0012345678910	0123456789
29	17113179	Trịnh Xuân Tâm	DH17OT	Tâm		9		8	8,3	0012345678910	0123456789
30	17154086	Lê Minh Tấn	DH17OT	Tấn		9		9	9	0012345678910	0123456789
31	17154088	Võ Văn Thạch	DH17OT	Thạch		9		9	9	0012345678910	0123456789
32	17154092	Dương Hữu Thành	DH17OT	Thành		9		9	9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01966

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ bảo dưỡng & SC ôtô (207705)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH17OT_02

Tổ Thi 002_DH17OT_02

Tên CBGD Lê Văn Điện

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV201A

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154043	Nguyễn Văn Khánh	DH17OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
2	17154044	Trần Anh Khoa	DH17OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
3	17154046	Trần Duy Khoa	DH17OT			9		6	6,9	0012345678910	0123456789
4	17154045	Trần Đăng Khoa	DH17OT			9		7	7,6	0012345678910	0123456789
5	17154047	Phạm Tấn Kiệt	DH17OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
6	17154051	Chiêm Phước Lộc	DH17OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
7	17154053	Phan Tấn Lộc	DH17OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
8	17154056	Nguyễn Văn Mạnh	DH17OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
9	17154057	Trần Văn Hoài Nam	DH17OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
10	17154058	Phạm Sĩ Nguyên	DH17OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
11	17154060	Nguyễn Thị Thanh Nhã	DH17OT			9		9	9,3	0012345678910	0123456789
12	17154061	Phan Thị Hoài Nhã	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
13	17154062	Hồ Tấn Nhân	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
14	17154063	Lê Hoài Nhân	DH17OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
15	18454009	Lê Hữu Nhân	LT18OT			9		7	7,6	0012345678910	0123456789
16	17154064	Nguyễn Thành Nhân	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01966

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ bảo dưỡng & SC ôtô (207705)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17OT_02

Tổ Thi 002_DH17OT_02

Tên CBGD Lê Văn Điện

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV201A

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17154113	Võ Thương Trường	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
50	17154116	Nguyễn Anh Tuấn	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
51	17154117	Phan Anh Tuấn	DH17OT			9		8	8,3	0012345678910	0123456789
52	17154118	Lê Văn Tùng	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
53	17154119	Nguyễn Minh Viễn	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
54	17154120	Nguyễn Thành Vinh	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
55	17154122	Đặng Bá Vũ	DH17OT			9		6	6,9	0012345678910	0123456789
56	17154123	Lý Hoàng Vũ	DH17OT			9		7	7,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 56 Số sinh viên vắng 00

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 11/12/2020

Lê Văn Tuấn

Nguyễn Văn Tuấn

Lê Văn Điện



Mã nhận dạng 01967

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ lắp ráp Ôtô(207706)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17OT_01

Tổ Thi

001_DH17OT_01

Tên CBGD

Lê Văn Điện

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV201B

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154001	Quách Trường An	DH18OT			8		9	8,7	0012345678910	0123456789
2	17154002	Lê Bảo Anh	DH17OT			8		9	8,7	0012345678910	0123456789
3	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT			8		9	8,7	0012345678910	0123456789
4	17154010	Vũ Trọng Nguyên	DH17OT							0012345678910	0123456789
5	18154018	Huỳnh Công Danh	DH18OT			8		10	9,4	0012345678910	0123456789
6	18154019	Huỳnh Công Danh	DH18OT			8		10	9,4	0012345678910	0123456789
7	17154022	Đinh Nguyễn Đình	DH17OT			8		10	9,4	0012345678910	0123456789
8	17154011	Đặng Thành Đạt	DH17OT			8		10	9,4	0012345678910	0123456789
9	18454002	Đặng Văn Đạt	LT18OT			8		9	8,7	0012345678910	0123456789
10	18154022	Lưu Quốc Đạt	DH18OT			8		10	9,4	0012345678910	0123456789
11	17154015	Hồ Thanh Điền	DH17OT			8		10	9,4	0012345678910	0123456789
12	17154016	Nguyễn Khoa Điền	DH17OT			8		10	9,4	0012345678910	0123456789
13	18154024	Nguyễn Phi Đình	DH18OT			8		10	9,4	0012345678910	0123456789
14	17154017	Nguyễn Thành Đô	DH17OT			8		10	9,4	0012345678910	0123456789
15	17154019	Nguyễn Hữu Đức	DH17OT			8		9	8,7	0012345678910	0123456789
16	17154023	Nguyễn Hoàng Trường	DH17OT			8		10	9,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01967

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ lắp ráp Ôtô(207706)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17OT_01

Tổ Thi 001_DH17OT_01

Tên CBGD Lê Văn Điện

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV201B

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17154025	Hồ Việt Hải	DH17OT			8		9	8,7	0012345678910	0123456789
18	18154038	Lê Thanh Hòa	DH18OT			8		9	8,7	0012345678910	0123456789
19	17154032	Lê Huy Hoàng	DH17OT			8		9	8,7	0012345678910	0123456789
20	17154033	Ngô Minh Hoàng	DH17OT			8		10	9,4	0012345678910	0123456789
21	17154035	Nguyễn Thanh Hùng	DH17OT			8		10	9,4	0012345678910	0123456789
22	18154046	Nguyễn Hoàng Huy	DH18OT			8		9	8,7	0012345678910	0123456789
23	17154038	Lê Tuấn Khang	DH17OT			8		8	8	0012345678910	0123456789
24	17154040	Phạm Văn Khang	DH17OT			8		9	8,7	0012345678910	0123456789
25	17154043	Nguyễn Văn Khánh	DH17OT			8		9	8,7	0012345678910	0123456789
26	17154046	Trần Duy Khoa	DH17OT			8		9	8,7	0012345678910	0123456789
27	17154045	Trần Đăng Khoa	DH17OT			9		7	7,6	0012345678910	0123456789
28	18154056	Cao Trung Kiên	DH18OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
29	18154060	Nguyễn Văn Chí Lâm	DH18OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
30	17154051	Chiêm Phước Lộc	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
31	17154056	Nguyễn Văn Mạnh	DH17OT			9		10	9,7	0012345678910	0123456789
32	18154073	Tạ Hoàng Nam	DH18OT			9		6	6,9	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 01967

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ lắp ráp Ôtô(207706)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17OT_01

Tổ Thi 001_DH17OT_01

Tên CBGD Lê Văn Điện

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV201B

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154075	Huỳnh Trọng Nghĩa	DH18OT	<i>[Signature]</i>		9		9	9	0012345678910	0123456789
34	17154058	Phạm Sĩ Nguyên	DH17OT	<i>[Signature]</i>		9		9	9	0012345678910	0123456789
35	18154081	Võ Nhật Nguyên	DH18OT	<i>[Signature]</i>		9		8	8,3	0012345678910	0123456789
36	17154060	Nguyễn Thị Thanh Nhã	DH17OT	<i>[Signature]</i>		9		9	9	0012345678910	0123456789
37	17154061	Phan Thị Hoài Nhã	DH17OT	<i>[Signature]</i>		9		9	9	0012345678910	0123456789
38	17154062	Hồ Tấn Nhân	DH17OT	<i>[Signature]</i>		9		9	9	0012345678910	0123456789
39	17154063	Lê Hoài Nhân	DH17OT	<i>[Signature]</i>		9		9	9	0012345678910	0123456789
40	17154064	Nguyễn Thành Nhân	DH17OT	<i>[Signature]</i>		9		10	9,7	0012345678910	0123456789
41	18154086	Võ Đình Nhân	DH18OT	<i>[Signature]</i>		9		8	8,3	0012345678910	0123456789
42	18154088	Nguyễn Đình Nhật	DH18OT	<i>[Signature]</i>		9		10	9,7	0012345678910	0123456789
43	18154089	Đoàn Minh Nhó	DH18OT	<i>[Signature]</i>		9		10	9,7	0012345678910	0123456789
44	17154069	Lê Văn Tấn Phát	DH17OT	<i>[Signature]</i>		9		10	9,7	0012345678910	0123456789
45	18154093	Nguyễn Hữu Phát	DH18OT	<i>[Signature]</i>		9		9	9	0012345678910	0123456789
46	18154095	Nguyễn Văn Phong	DH18OT	<i>[Signature]</i>		9		10	9,7	0012345678910	0123456789
47	18154097	Hồ Hoàng Phúc	DH18OT	<i>[Signature]</i>		9		9	9	0012345678910	0123456789
48	17154071	Trần Huỳnh Phúc	DH17OT	<i>[Signature]</i>		9		10	9,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01967

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ lắp ráp Ôtô(207706)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH17OT_01

Tổ Thi 001_DH17OT_01

Tên CBGD Lê Văn Điện

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV201B

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17154074	Đỗ Trung Quân	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
50	18154104	Lê Duy Quốc	DH18OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
51	18154109	Nguyễn Hoàng Nhật Tào	DH18OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
52	17154088	Võ Văn Thạch	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
53	17154092	Dương Hữu Thành	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
54	17154090	Nguyễn Đình Thắng	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
55	17154091	Phạm Bá Thắng	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
56	17154096	Nguyễn Tấn Thọ	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
57	17154098	Trần Đình Thông	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
58	17154102	Lê Cao Quốc Tiến	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
59	17154103	Nguyễn Quang Tiến	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789
60	17154104	Nguyễn Võ Minh Tiến	DH17OT			9		10	9,7	0012345678910	0123456789
61	17154105	Nguyễn Trung Tín	DH17OT			9		10	9,7	0012345678910	0123456789
62	17154110	Lê Thị Thảo Trinh	DH17OT			9		10	9,7	0012345678910	0123456789
63	17154117	Phan Anh Tuấn	DH17OT			9		10	9,7	0012345678910	0123456789
64	17154119	Nguyễn Minh Viễn	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01967

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ lắp ráp Ôtô(207706) Số Tín Ch 2
 Nhóm Thi DH17OT_01 Tổ Thi 001_DH17OT_01 Tên CBGD Lê Văn Điện
 Ngày Thi 11/01/2021 Giờ Thi 07:30 Phòng Thi TV201B

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	17154123	Lý Hoàng Vũ	DH17OT			9		9	9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 64 Số sinh viên vắng 01

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Điện

N.V. Kiệp

N.T. Nguyễn

Lê Văn Điện

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154004	Lương Tiến Anh	DH18OT	<i>Ace</i>					8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18154011	Lý Thị Bé	DH18OT	<i>Bé</i>					8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18154031	Nguyễn Minh Dương	DH18OT	<i>Dương</i>					9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	18154017	Nguyễn Tấn Đại	DH18OT	<i>Đại</i>					9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	18154022	Lưu Quốc Đạt	DH18OT	<i>Dat</i>					9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	18154025	Nguyễn Trung Đình	DH18OT	<i>ĐD</i>					8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	18154048	Phạm Trần Gia Huy	DH18OT	<i>Thuy</i>					8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	18154041	Nguyễn Minh Hưng	DH18OT	<i>Hung</i>					7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	18154042	Nguyễn Hữu Trọn	DH18OT	<i>Huon</i>					8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	18154051	Đinh Nhĩ Khang	DH18OT	<i>Khang</i>					9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	18154054	Thạch Đăng Khoa	DH18OT	<i>Khoa</i>					9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	18154061	Chu Phú Lâm	DH18OT	<i>Lam</i>					9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	18154073	Tạ Hoàng Nam	DH18OT	<i>Nam</i>					9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	18154077	Nguyễn Thanh Nghiêm	DH18OT	<i>Nghiem</i>					7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	18154078	Đặng Văn Ngoan	DH18OT	<i>Ngoan</i>					9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	18154081	Võ Nhật Nguyên	DH18OT	<i>Nguyen</i>					8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 01075

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập điện - điện tử ô tô (207744) - 02

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154083	Phạm Minh Nhã	DH18OT						8	0012345678910	0123456789
18	18154099	Trần Hoàng Phúc	DH18OT						8	0012345678910	0123456789
19	18154102	Lý Trung Quân	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
20	18154105	Đinh Hoàng Sơn	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
21	18154109	Nguyễn Hoàng Nhật Tào	DH18OT						8,5	0012345678910	0123456789
22	18154114	Nguyễn Quốc Thắng	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
23	18154121	Giang Đại Thuận	DH18OT						8,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Văn Điện

Nguyễn Văn Tuấn

Lê Văn Điện



Mã nhận dạng 01076

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập điện - điện tử ô tô (207744) - 03

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154001	Quách Trường An	DH18OT						8	0012345678910	0123456789
2	18154028	Phạm Tiến Dũng	DH18OT						8,5	0012345678910	0123456789
3	18154020	Nguyễn Quang Đạo	DH18OT						8	0012345678910	0123456789
4	18154024	Nguyễn Phi Đình	DH18OT						8,5	0012345678910	0123456789
5	18154035	Dương Trọng Hiếu	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
6	18154036	Lê Võ Quang Hiếu	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
7	18154037	Nguyễn Văn Hóa	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
8	18154056	Cao Trung Kiên	DH18OT						8	0012345678910	0123456789
9	18154063	Nguyễn Xuân Linh	DH18OT						7,5	0012345678910	0123456789
10	18154066	Lưu Kim Long	DH18OT						8,5	0012345678910	0123456789
11	18154071	Nguyễn Thế Nam	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
12	18154093	Nguyễn Hữu Phát	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
13	18154096	Quách Thanh Phú	DH18OT						8,5	0012345678910	0123456789
14	18154100	Mai Trần Phương	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
15	18154104	Lê Duy Quốc	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
16	18154110	Huỳnh Phước Thái	DH18OT						9	0012345678910	0123456789

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 26/11/2020 16:13



Mã nhận dạng 01077

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập điện - điện tử ô tô (207744) - 04

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154005	Nguyễn Duy Anh	DH18OT						8	0012345678910	0123456789
2	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
3	18154009	Phan Hải Âu	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
4	18154013	Phạm Minh Chí	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
5	18154015	Nguyễn Chí Cường	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
6	18154019	Huỳnh Công Danh	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
7	18154016	Dương Đình Đại	DH18OT						9,5	0012345678910	0123456789
8	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT						9,5	0012345678910	0123456789
9	18154046	Nguyễn Hoàng Huy	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
10	18154060	Nguyễn Văn Chí Lâm	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
11	18154068	Phạm Kim Long	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
12	18154064	Nguyễn Văn Lợi	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
13	18154070	Nguyễn Hoàng Nam	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
14	18154075	Huỳnh Trọng Nghĩa	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
15	18154076	Văn Hữu Nghĩa	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
16	18154090	Trần Nguyễn Minh Nhựt	DH18OT						9,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01077

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập điện - điện tử ô tô (207744) - 04

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154097	Hồ Hoàng Phúc	DH18OT	<i>HPhuc</i>					9	0012345678910	0123456789
18	18154112	Trần Lê Phương Thái	DH18OT	<i>ph</i>					9	0012345678910	0123456789
19	18154115	Trần Hữu Thắng	DH18OT	<i>Thang</i>					9	0012345678910	0123456789
20	18154120	Trần Quốc Thịnh	DH18OT	<i>thinh</i>					8,5	0012345678910	0123456789
21	18154122	Hồ Văn Thuận	DH18OT	<i>H</i>					9	0012345678910	0123456789
22	18154123	Trương Văn Thục	DH18OT	<i>T</i>					8,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Văn Điện

Trần Văn Điện
Nguyễn Văn Điện

Lê Văn Điện

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập điện - điện tử ô tô (207744) - 06

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154008	Trịnh Hoàng Anh	DH18OT						9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	18154003	Trương Long Ân	DH18OT						9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	18154018	Huỳnh Công Danh	DH18OT						9,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	18154032	Nguyễn Ngọc Giang	DH18OT						8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	18154033	Lương Văn Giàu	DH18OT						8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	18154038	Lê Thanh Hòa	DH18OT						9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	18154039	Vũ Xuân Hòa	DH18OT						9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	18154040	Nguyễn Việt Hoàng	DH18OT						8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	18154047	Nguyễn Hữu Minh	DH18OT						8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	18154052	Trần Chí Khang	DH18OT						9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	18154053	Trần Công Khánh	DH18OT						8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	18154058	Đỗ Tuấn Kiệt	DH18OT						9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	18154059	Nguyễn Phan Hoài Lâm	DH18OT						9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	18154072	Phan Thành Nam	DH18OT						9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	18154086	Võ Đình Nhân	DH18OT						9,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	18154088	Nguyễn Đình Nhật	DH18OT						9,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 01078

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập điện - điện tử ô tô (207744) - 06

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154089	Đoàn Minh Nhớ	DH18OT						9,5	0012345678910	0123456789
18	18154095	Nguyễn Văn Phong	DH18OT						9,5	0012345678910	0123456789
19	18154101	Nguyễn Duy Phương	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
20	18154108	Trương Thành Tấn	DH18OT						9	0012345678910	0123456789
21	17154093	Ngân Văn Thành	DH17OT							0012345678910	0123456789
22	17154095	Huỳnh Minh Thịnh	DH18OT						9	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Văn Điện

Nguyễn Văn Điện

Lê Văn Điện